

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LIÊN VIỆT

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
CỦA CƠ SỞ  
“CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI  
DỊCH VỤ LIÊN VIỆT”

Địa chỉ: Số 8, Khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước

CHỦ CƠ SỞ  
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI  
DỊCH VỤ LIÊN VIỆT  
GIÁM ĐỐC



Lê Đức Việt

Bình Phước, Tháng năm 2025

## MỤC LỤC

MỤC LỤC .....	vi
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT .....	ix
DANH MỤC BẢNG .....	x
DANH MỤC HÌNH .....	xi
Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....	1
1. Tên chủ cơ sở.....	1
2. Tên cơ sở .....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	2
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	2
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở .....	2
3.3. Sản phẩm của cơ sở: .....	5
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	5
4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu của Cơ sở: .....	5
4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất của Cơ sở .....	5
4.3. Nhu cầu sử dụng điện, nguồn cung cấp điện.....	6
4.4. Nhu cầu sử dụng nước, nguồn cung cấp nước .....	7
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở .....	9
5.1. Vị trí địa lý.....	9
5.2. Các hạng mục công trình chính của Cơ sở .....	9
5.3. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở .....	10
5.4. Nhu cầu sử dụng lao động .....	10
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	11
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường .....	11
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải môi trường.....	11
Chương III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	12

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	12
1.1. Thu gom, thoát nước mưa .....	12
1.2. Thu gom, thoát nước thải .....	12
1.3. Xử lý nước thải .....	13
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	14
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	16
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	19
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	21
5.1. Nguồn phát sinh.....	21
5.2. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung .....	23
6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường .....	23
6.1. Sự cố tại hệ thống thoát nước và bể tự hoại .....	23
6.2. Phương pháp phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ.....	24
6.3. Sự cố về hóa chất.....	26
6.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi và khí thải .....	26
<b>Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>37</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	37
1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải.....	37
1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải: .....	37
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải .....	37
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung .....	38
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải .....	39
4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh: .....	39
4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại: .....	40
<b>Chương V KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>42</b>
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường.....	42
1.1. Tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện .....	42

1.2. Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường (kèm theo các văn bản báo cáo trong Phụ lục) của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền .....	42
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải .....	42
3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, không khí .....	42
3.1. Thông tin đơn vị quan trắc .....	42
3.2. Kết quả quan trắc không khí xung quanh.....	43
<b>Chương VI KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>45</b>
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:.....	45
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	45
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải: .....	45
1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch .....	46
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục, và định kỳ) theo quy định của pháp luật .....	46
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	46
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải .....	48
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở: .....	48
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	48
<b>Chương VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ .....</b>	<b>49</b>
<b>Chương VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....</b>	<b>50</b>
<b>PHỤ LỤC BÁO CÁO .....</b>	<b>52</b>

## DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD <sub>5</sub>	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CP	Chính phủ
CTR CNTT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
MTV	Một thành viên
NĐ	Nghị định
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
TSS	Chất rắn lơ lửng
Stt	Số thứ tự
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
GPXD	Giấy phép xây dựng

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Công suất sản xuất của của cơ sở.....	2
Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu sản xuất của Cơ sở .....	5
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất của Cơ sở .....	5
Bảng 1.4. Tổng hợp cân bằng vật chất đầu vào, đầu ra của Cơ sở .....	6
Bảng 1.5. Thống kê lượng điện tiêu thụ Cơ sở.....	6
Bảng 1.6. Cân bằng sử dụng nước của cơ sở.....	8
Bảng 1.7. Các hạng mục công trình của cơ sở .....	10
Bảng 1.8. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở.....	10
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải lò hơi đã lắp đặt.....	15
Bảng 3.2. Số lượng thùng rác chứa chất thải rắn sinh hoạt tại Công ty .....	17
Bảng 3.3. Thành phần và khối lượng CTR CNTT phát sinh .....	19
Bảng 3.4. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở .....	19
Bảng 3.5. Cường độ ồn của các loại xe cơ giới.....	21
Bảng 3.6. Danh sách các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	22
Bảng 3.7. Tác động của tiếng ồn ở các dãy tần số .....	22
Bảng 3.8. Một số sự cố điển hình với lò hơi .....	28
Bảng 3.9. Một số kịch bản sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải lò hơi .....	36
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc không khí xung quanh tại khu vực cảng.....	43
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc không khí tại khu vực sản xuất.....	43
Bảng 6.1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm .....	45
Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm.....	45
Bảng 6.3. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ .....	47
Bảng 6.4. Tóm tắt kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm .....	48

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Quy trình sản xuất hạt điều nhân .....	3
Hình 1.2. Đất nhà xưởng .....	9
Hình 1.3. Đất kho đóng gói .....	9
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa của cơ sở.....	12
Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải.....	13
Hình 3.3. Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn .....	13
Hình 3.4. Quy trình xử lý khí thải lò hơi .....	14
Hình 3.5. Hình ảnh hệ thống xử lý khí thải lò hơi của cơ sở .....	16
Hình 3.6. Hình ảnh máng thu vỏ hạt điều của cơ sở .....	19
Hình 3.7. Hình ảnh kho chứa CTNH của cơ sở.....	21
Hình 3.8. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ .....	25
Hình 3.9. Quy trình ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất .....	26
Hình 3.10. Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải .....	27

## Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

### 1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Liên Việt.
- Địa chỉ văn phòng: Tổ 8, khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông LÊ QUỐC VIỆT
- Điện thoại: 0987 972 167
- Chức vụ: Giám đốc.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp: 3801066625, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08 tháng 11 năm 2019 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp.

### 2. Tên cơ sở

#### “Cơ sở chế biến hạt điều Liên Việt”

- Địa điểm cơ sở: Tổ 8, khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:
  - + Giấy xác nhận Bản cam kết bảo vệ môi trường số 30/GXN-UBND Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long cấp.
  - Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):
    - + Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công: Xác định theo khoản 4 Điều 11, Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024. Dự án có tổng vốn đầu tư là 35 tỷ đồng, do đó dự án được phân loại Nhóm C (Dự án có mức đầu tư dưới 90 tỷ đồng).
  - Yêu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này: Không có.
  - Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất chế biến hạt điều.
  - Phân loại dự án đầu tư: Cơ sở thuộc Dự án đầu tư Nhóm III, căn cứ theo quy định thuộc số thứ tự 2, mục II, phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Do đó, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Liên Việt tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho Cơ sở “Chế biến hạt điều Liên Việt” tại

## Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

tổ 8, khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước theo mẫu báo cáo đề xuất tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và trình lên Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long để được thẩm định và cấp Giấy phép môi trường theo quy định.

### 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

#### 3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Công suất sản xuất của cơ sở được trình bày ở bảng sau:

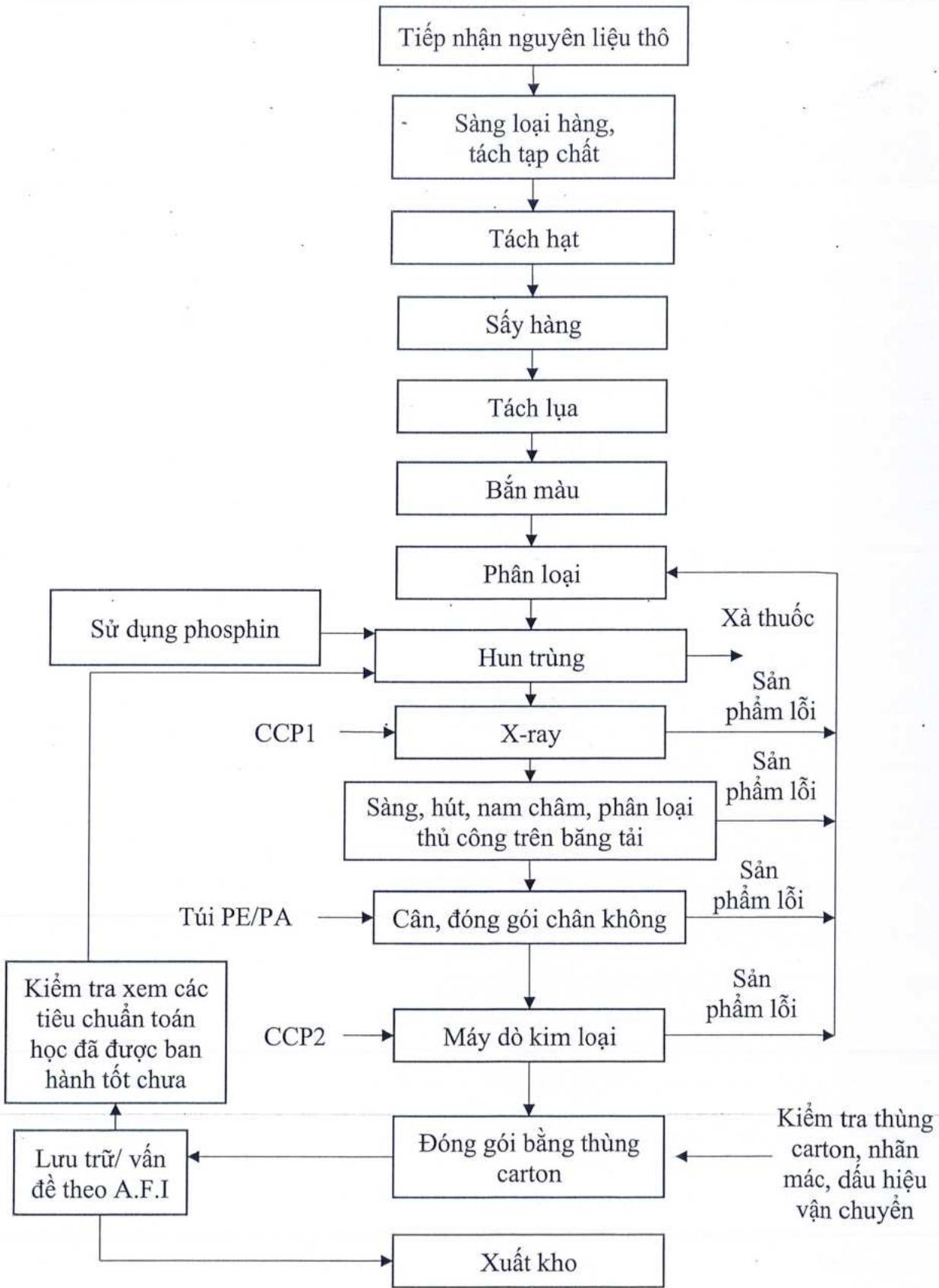
Bảng 1.1. Công suất sản xuất của của cơ sở

Số thứ tự	Loại sản phẩm	Đơn vị	Công suất
1	Hạt điều nhân	Tấn/năm	4.800
Tổng		-	<b>4.800</b>

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Liên Việt)

#### 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Cơ sở sản xuất sản phẩm hạt điều nhân, quy trình công nghệ sản xuất được trình bày bên dưới:



Hình 1.1. Quy trình sản xuất hạt điều nhân

## Thuyết minh quy trình

### + Tiếp nhận nguyên liệu thô:

Cơ sở nhập nguyên hạt điều tươi bằng xe tải không đóng bao và hạt điều khô bằng xe tải, container đóng trong các bao đay.

Nguyên liệu hạt điều thô được nhận nếu đáp ứng các yêu cầu về mặt cảm quan, tỉ lệ hạt phế, hư hỏng, cỡ, ...

+ **Sàng loại hàng, tách tạp chất:** Nguyên liệu được phân loại sơ bộ, tách các tạp chất bằng các máy phân kích cỡ.

+ **Tách hạt:** Nguyên liệu được cắt vỏ cứng bên ngoài, tách lấy nhân bằng máy chuyên dụng. Đối với các hạt còn sót lại thì sử dụng nhân công làm bằng phương pháp thủ công để tách thu hồi nhân hạt điều.

+ **Sấy hàng:** Sản phẩm được sấy trong buồng đến khi đạt được độ ẩm sau sấy  $\leq 5\%$ , nhiệt độ sấy từ  $60 - 75^{\circ}\text{C}$ , thời gian sấy  $\leq 24$  giờ.

+ **Tách lụa:** Sản phẩm được bóc lớp vỏ lụa bên ngoài với tỷ lệ bể của hàng nguyên là  $\leq 3\%$ , tỷ lệ sót lụa  $\leq 20\%$ .

+ **Bắn màu – phân cỡ:** Phân loại theo màu sắc và kích cỡ hạt.

+ **Phân loại – Tái phân loại:** Sản phẩm được phân theo màu sắc, kích cỡ quy định. Nếu sau bắn màu, màu sắc và kích cỡ vẫn chưa đạt yêu cầu, nhân điều sẽ được công nhân lựa tay để phân loại. Tại công đoạn này nếu hàng có độ ẩm  $> 5\%$  sẽ tiến hành sấy đến độ ẩm quy định.

+ **Hun trùng:** Sản phẩm được xông hơi trong buồng xông hơi theo đúng liều lượng và thời gian quy định (thời gian 5 ngày, thời gian bay hơi  $\geq 48$  giờ, liều lượng phosphide với nồng độ 56%, từ 2 – 5 viên/tấn, trọng lượng mỗi viên 3g). Các lô hàng hun trùng có bảng nhận diện, ngày hun trùng, ngày kết thúc. Phòng hun trùng phải sạch, kín.

+ **Máy X-ray:** Sản phẩm sau đó được cho qua máy kiểm tra X-ray, nếu hàng còn lẫn tạp chất thì máy sẽ có chuông báo động, đồng thời loại bỏ tạp chất này ra ngoài.

+ **Sàng, hút, nam châm, phân loại thủ công trên băng tải:** Các bán thành phẩm được công nhân chuyển lên máy sàng (sàng rung có kích thước các lỗ 6,0mm – 8,0mm) để phân loại những mảnh nhân có kích thước nhỏ và to. Công nhân dùng nam châm hút các tạp chất như mạt sắt, ốc vít,... và kiểm tra lại kích cỡ, màu sắc theo tiêu chuẩn.

+ **Cân, đóng gói hút chân không:** Sản phẩm được đóng gói thành các gói theo quy định. Các gói sản phẩm được hút chân không trước khi ghép mí.

+ **Máy dò kim loại:** Túi PE thành phẩm được đi qua máy dò kim loại. Nếu máy phát hiện tạp chất thì chuông sẽ báo động đồng thời cô lập sản phẩm và xử lý lại.

+ **Đóng gói bằng thùng carton:** Thành phẩm được cho vào thùng carton dán nhãn mác đầy đủ thông tin theo quy định.

## Báo cáo để xuất cấp giấy phép môi trường

+ **Xuất kho:** Thành phẩm được chuyển vào kho, chất gọn gàng lên các pallet chờ xuất hàng. Thành phẩm được bảo quản trong kho thành phẩm theo thứ tự quy định. Khi có lệnh xuất hàng, công nhân chuyển các thùng hàng lên container và xuất bán.

### 3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm của cơ sở là các hạt điều nhân với công suất 4.800 tấn/năm.

### 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

#### 4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu của Cơ sở:

❖ Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu của Cơ sở thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu sản xuất của Cơ sở

Stt	Tên nguyên liệu	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
1	Hạt điều thô	Tấn/năm	25.000	Việt Nam, Ghana
3	Thùng carton	Tấn/năm	50	Việt Nam
4	Bao Jumbo	Tấn/năm	100	Việt Nam
5	PE	Tấn/năm	50	Việt Nam
<b>Tổng</b>			<b>25.200</b>	

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Liên Việt)

#### 4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất của Cơ sở

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất của Cơ sở

Stt	Tên nguyên liệu	ĐVT	Số lượng	Mục đích sử dụng	Xuất xứ	Quy đổi (tấn/năm)
1	Hóa chất Qick Phos	Kg/năm	20	Sử dụng hun trùng hàng hóa	Ấn Độ	0,02
<b>Tổng cộng</b>						<b>0,02</b>

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Liên Việt)

Bảng 1.4. Tổng hợp cân bằng vật chất đầu vào, đầu ra của Cơ sở

Stt	Nguyên liệu		Chất thải			Sản phẩm	
	Tên nguyên liệu	Khối lượng (tấn/năm) (1)	Tên chất thải	Tỉ lệ hao hụt	Khối lượng (tấn/năm) (2)	Tên sản phẩm	Khối lượng (tấn/năm) (3)
1	Hạt điều thô	25.000	Vỏ hạt điều	80,8%	20.200	Hạt điều nhân	4.998,019
2	Hóa chất Qick Phos	0,02	Bao bì thải	6%	0,0012		
3	Thùng carton	50	Thùng hỏng	1%	0,5		
4	Bao Jumbo	100	Bao bì hỏng	1%	1		
5	PE	50	Bao bì hỏng	1%	0,5		
<b>Tổng</b>		<b>25.200,02</b>	-	-	<b>20.202,001</b>	-	<b>4.998,019</b>

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Liên Việt)

#### 4.3. Nhu cầu sử dụng điện, nguồn cung cấp điện

- Nguồn cung cấp điện: Từ hệ thống lưới điện Quốc gia do Công ty điện lực Bình Phước cung cấp.
- Mục đích sử dụng: sử dụng cho thiết bị, máy móc sản xuất, phục vụ chiếu sáng và các thiết bị sinh hoạt.
- Lượng điện sử dụng: Căn cứ theo hóa đơn sử dụng điện từ tháng 05/2024 đến tháng 11/2024, lượng điện tiêu thụ trung bình của cơ sở khoảng 155.860 kWh/tháng, tương đương 5.195 kWh/ngày (Hóa đơn điện đính kèm theo phụ lục).

Bảng 1.5. Thống kê lượng điện tiêu thụ Cơ sở

Stt	Tháng	Đơn vị	Lượng điện tiêu thụ
1	Tháng 05/2024	kWh/tháng	156.239
2	Tháng 06/2024	kWh/tháng	25.070
3	Tháng 06/2024	kWh/tháng	168.900
4	Tháng 07/2024	kWh/tháng	183.227
5	Tháng 08/2024	kWh/tháng	193.327
6	Tháng 09/2024	kWh/tháng	174.453

Báo cáo để xuất cấp giấy phép môi trường

Số thứ tự	Tháng	Đơn vị	Lượng điện tiêu thụ
1	Tháng 05/2024	kWh/tháng	156.239
7	Tháng 10/2024	kWh/tháng	176.135
8	Tháng 11/2024	kWh/tháng	169.531
Trung bình tháng (kWh/tháng)			<b>155.860</b>
Trung bình ngày (kWh/ngày)			<b>5.195</b>

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Liên Việt)

#### 4.4. Nhu cầu sử dụng nước, nguồn cung cấp nước

- Nguồn cấp nước cho dự án được lấy từ nguồn nước giếng khoan trong khu vực của cơ sở.
- Cơ sở sử dụng nước 01 giếng khoan với lưu lượng khai thác là  $20 \text{ m}^3/\text{tháng}$ .
- Nhu cầu sử dụng nước: cung cấp cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt của nhân viên tại cơ sở.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường**

Bảng 1.6. Cân bằng sử dụng nước của cơ sở

Số	Mục đích sử dụng	Định mức	Quy mô tối đa	Lưu lượng nước cấp (m <sup>3</sup> /ngày)	Lưu lượng nước xả thải (m <sup>3</sup> /ngày)	Ghi chú
1	Nước cấp cho sinh hoạt công nhân viên	Theo thực tế tại nhà máy, định mức sử dụng nước của 1 người chỉ dùng cho hoạt động đi vệ sinh là 0,015 m <sup>3</sup> /ngày Định mức xả thải: 80% lượng nước cấp	30 người	0,45	0,36	Cơ sở không phát sinh nước thải ra ngoài môi trường, nước thải phát sinh được dẫn về bể tự hoại để xử lý sơ bộ, sau đó được Công ty thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý
2	Nước cấp cho lò hơi	Theo thực tế	1 lò hơi	0,35	-	-
3	Nước cấp bổ sung cho lò hơi	30% lượng nước cấp	1 lò hơi	0,11	-	-
4	Nước thải từ khu vực hấp - sấy	Định mức xả thải: 0,1 m <sup>3</sup> /ngày	-	-	0,1	Cơ sở không phát sinh nước thải ra ngoài môi trường, nước thải phát sinh được dẫn về bể gom, khi bể gom đầy, công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý
<b>Tổng</b>				<b>0,91</b>	<b>0,46</b>	-

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Liên Việt)

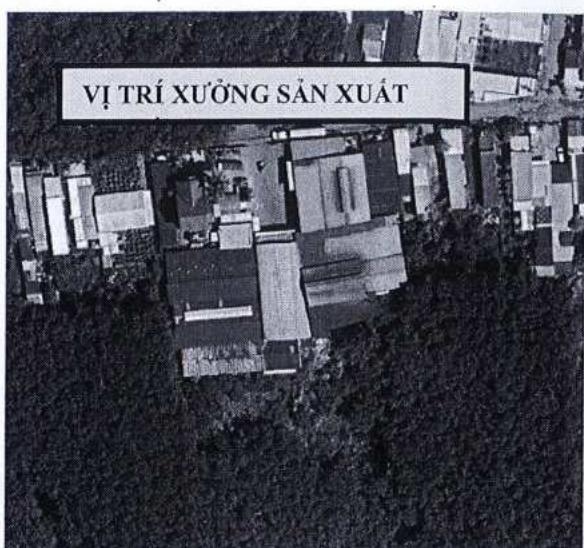
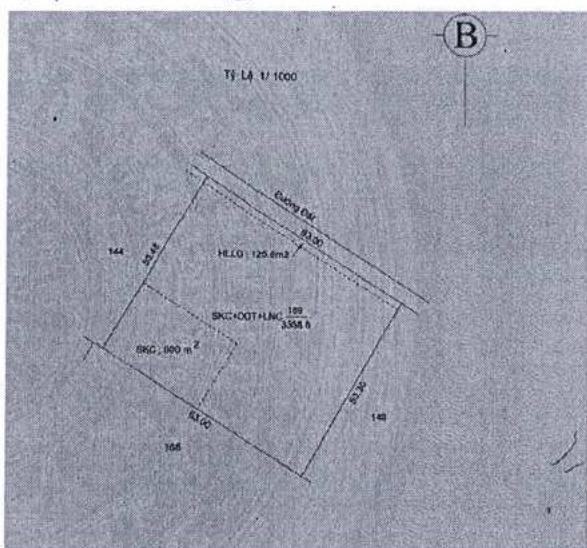
❖ *Nhu cầu sử dụng nước cho PCCC:*

Theo QCVN 06:2022/BXD về An toàn cháy cho nhà và công trình lưu lượng nước cho chữa cháy là 15 lít/giây. đám cháy, trong đương 54 m<sup>3</sup>/giờ.đám cháy với 01 đám cháy trong 3 giờ liên tục. Q<sub>cc</sub> = 54 m<sup>3</sup>/giờ.đám cháy x 1 đám cháy x 3 giờ = 162 m<sup>3</sup>.

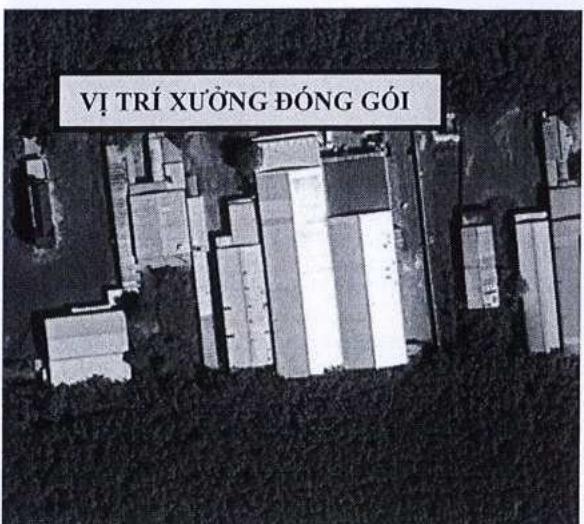
#### 5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

### 5.1. Vị trí địa lý

Khu đất của cơ sở có tổng diện tích 6.397m<sup>2</sup>, bao gồm đất nhà xưởng có diện tích là 3.358,6m<sup>2</sup> và đất kho đóng gói có diện tích 3.308,4m<sup>2</sup>, địa chỉ tại phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.



Hình 1.2. Đất nhà xưởng



Hình 1.3. Đất kho đóng gói

### **5.2. Các hạng mục công trình chính của Cơ sở**

Theo Hợp đồng thuê đất ngày 16/8/2024 giữa Ông Lê Quốc Việt cùng bà Nguyễn Thị Liên và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Liên Việt. Các hạng mục công trình được thể hiện theo bảng sau:

Bảng 1.7. Các hạng mục công trình của cơ sở

Số thứ tự	Hạng mục	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Các hạng mục công trình chính</b>	<b>1.113,35</b>	<b>92,8</b>
1	Khu vực văn phòng	88,35	
2	Nhà xưởng sản xuất chính	414,5	
3	Kho chứa thành phẩm	485,2	
4	Kho nguyên liệu	125,3	
<b>II</b>	<b>Các hạng mục công trình phụ</b>	<b>55</b>	<b>4,6</b>
1	Kho chứa chất thải nguy hại	15	
2	Kho chứa chất thải công nghiệp thông thường	30	
3	Khu vực lưu trữ rác sinh hoạt	10	
<b>III</b>	<b>Sân bãi và cây xanh</b>	<b>31,65</b>	<b>2,6</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.200</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Liên Việt)

### 5.3. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

Các loại máy móc, trang thiết bị chính phục vụ hoạt động sản xuất của cơ sở được trình bày chi tiết trong bảng sau:

Bảng 1.8. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

Số thứ tự	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Nước sản xuất
1	Máy bắn màu	Cái	1	Trung Quốc
2	Dây chuyền đóng gói	Cái	2	Việt Nam
3	Máy tách tạp chất	Cái	1	Trung Quốc
4	Dàn máy tách nhân	Cái	7	Việt Nam
5	Lò sấy điện	Cái	1	Việt Nam
6	Bồn hấp	Cái	5	Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Liên Việt)

### 5.4. Nhu cầu sử dụng lao động

- Số lượng công nhân viên phục vụ cho hoạt động sản xuất của Cơ sở là 30 người.
- Thời gian làm việc: 312 ngày/năm, 02 ca/ngày, 04 giờ/ca.

## Chương II

### SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

#### 1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

“Cơ sở chế biến hạt điều Liên Việt” tại tổ 8, khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Liên Việt làm chủ cơ sở phù hợp với định hướng, mục tiêu quy hoạch phát triển của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Quyết định số 518/QĐ-TTg ngày 16/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050;
- Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về Phê duyệt đề án phát triển đô thị giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 1489/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24/11/2023 về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050;

Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 3801066625, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08 tháng 11 năm 2019 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Như vậy, địa điểm thực hiện dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

#### 2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải môi trường

**Về nước thải:** Cơ sở đã tách riêng hệ thống thu gom nước mưa và nước thải.

**Về môi trường không khí:** Cơ sở với đặc thù sản xuất Khí thải tại cơ sở đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với  $K_v = 0,8$ ,  $K_p = 1,0$  – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

**Về chất thải:** Chủ cơ sở đã thực hiện phân loại, thu gom, bố trí khu vực lưu trữ riêng đối với các chất thải và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Vì vậy, hoạt động phát sinh chất thải của cơ sở là hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường./.

### Chương III

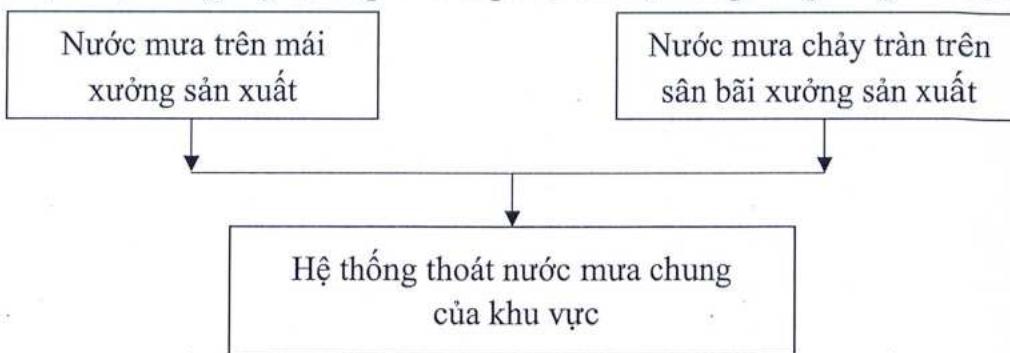
## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

##### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa

###### 1.1.1 Thu gom nước mưa và thoát nước mưa

Nước mưa từ trên mái nhà và trên sân bãi chảy về hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực. Hệ thống này độc lập và riêng biệt với hệ thống cống thu gom nước thải.



Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa của cơ sở

##### 1.1.2. Điểm xả nước mưa

- Phương thức chảy: Tự chảy.
- Vị trí xả nước mưa: Nước mưa chảy về hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực, phía trước cổng công ty, tổ 8, khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

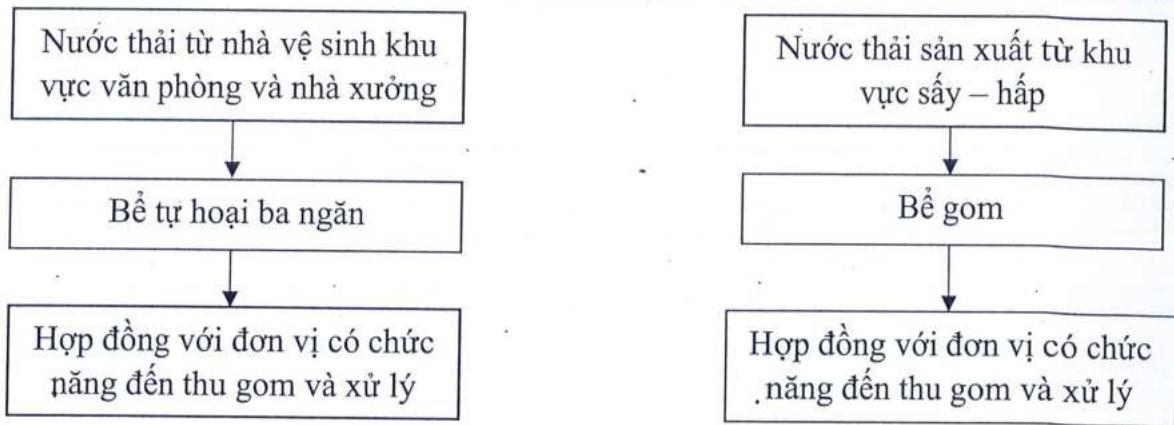
##### 1.2. Thu gom, thoát nước thải

###### 1.2.1. Công trình thu gom nước thải

Cơ sở chủ yếu phát sinh từ quá trình sinh hoạt, vệ sinh của công nhân viên. Các nguồn phát sinh nước thải bao gồm:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh kho đóng gói, được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn. Cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh của nhà xưởng, được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn. Cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý.
- Nguồn số 3: Nước thải từ khu vực sấy - hấp được thu gom dẫn về bể nằm âm cuối khu vực sấy – hấp với thể tích bể gom là 10m<sup>3</sup>. Định kỳ 1 - 2 tháng, cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý.

Sơ đồ thu gom và thoát nước thải:



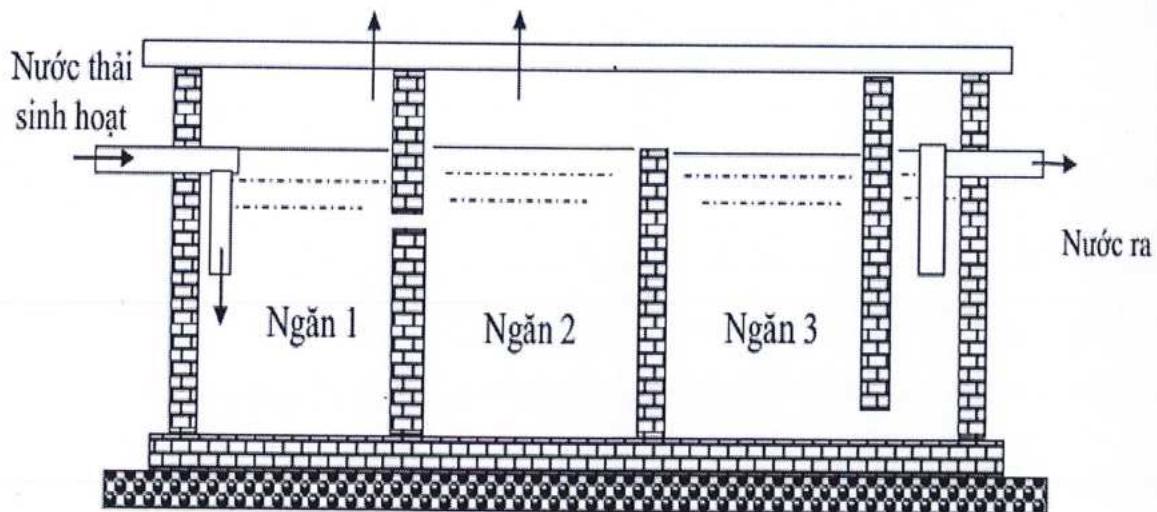
Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải

### 1.3. Xử lý nước thải

#### 1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

##### a. Bể tự hoại

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt, vệ sinh cá nhân của công nhân viên (30 người). Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng  $0,36 \text{ m}^3/\text{ngày}$  (tương đương 80% lượng nước cấp cho sinh hoạt), toàn bộ nước thải này sẽ được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn. Cấu tạo và nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn như sau:



Hình 3.3. Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn

Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân sẽ được thu gom về bể tự hoại để xử lý. Nước thải vào bể tự hoại đầu tiên sẽ qua ngăn lăng và lên men cặn. Tại ngăn này, các cặn rắn được giữ lại và phân hủy một phần với hiệu suất khoảng 20% dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau đó, nước qua ngăn lăng. Tại đây, các thành phần hữu cơ có trong nước thải tiếp tục bị phân hủy dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau ngăn lăng cặn, nước được đưa qua ngăn lọc với vật liệu lọc bao gồm sỏi, than, cát được bố trí từ dưới lên trên nhằm tách các chất rắn lơ lửng có trong nước thải. Bể tự hoại đều có ống thông

hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Sau bể tự hoại, hàm lượng chất hữu cơ (BOD, COD) và dinh dưỡng (nitơ, phospho) giảm khoảng 60%; dầu mỡ động thực vật giảm khoảng 80%; chất rắn lơ lửng giảm khoảng 90%.

### 1.3.2. Công trình xử lý nước thải sản xuất

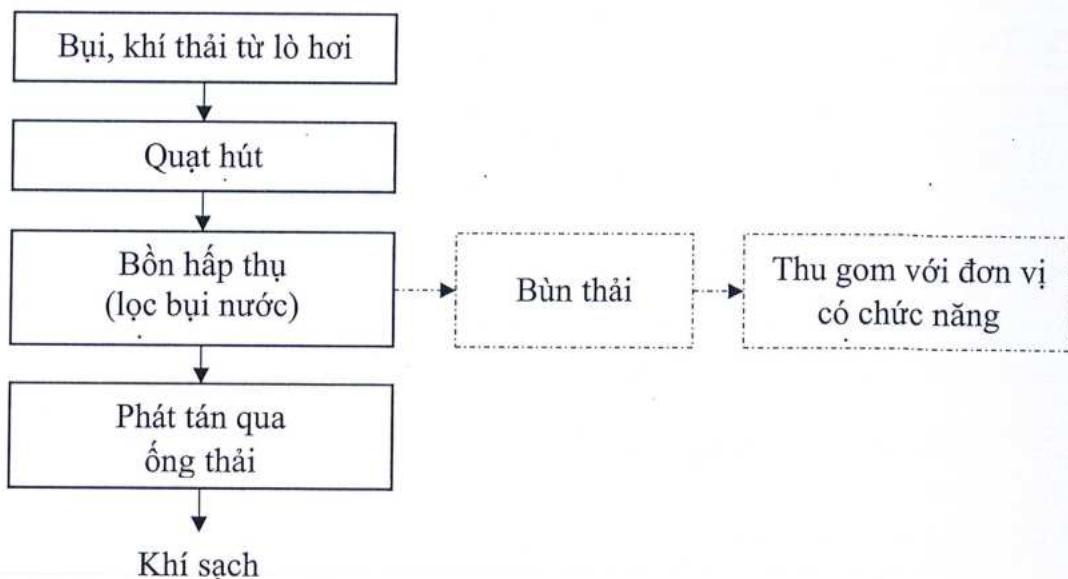
Nước thải từ khu vực sấy - hấp được thu gom dẫn về bể nầm âm cuối khu vực sấy - hấp với thể tích bể gom là 10m<sup>3</sup>. Định kỳ 1 - 2 tháng, cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý.

## 2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

### 2.1. Công trình xử lý bụi, khí thải từ lò hơi

Cơ sở sử dụng lò hơi công suất 3 tấn/giờ để cấp nhiệt cho hoạt động sấy và hấp hạt điều. Nguyên liệu để vận hành lò hơi là gỗ vụn, củi.

Quy trình xử lý lò hơi như sau:



Hình 3.4. Quy trình xử lý khí thải lò hơi

#### Thuyết minh quy trình:

Lọc bụi nước (hấp thụ bụi có kích thước nhỏ và khí thải (NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, CO) bằng nước): Khí thải sau khi qua quạt hút sẽ được chuyển trực tiếp sang bồn hấp thụ. Bồn hấp thụ có chứa nước, dòng khí thải tiếp xúc nước thì các hạt bụi bị giữ lại trong nước sau đó rơi xuống bể chứa phía dưới và lắng cặn ở đáy bể, phần khí thải sạch được làm mát bằng nước sẽ bị đẩy ngược lên trên theo ống trụ giữa thoát ra ngoài. Khí thải thoát ra ngoài môi trường bằng ống thải.

+ Thông số kỹ thuật của công trình xử lý bụi, khí thải đã được lắp đặt:

Báo cáo để xuất cấp giấy phép môi trường

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải lò hơi đã lắp đặt

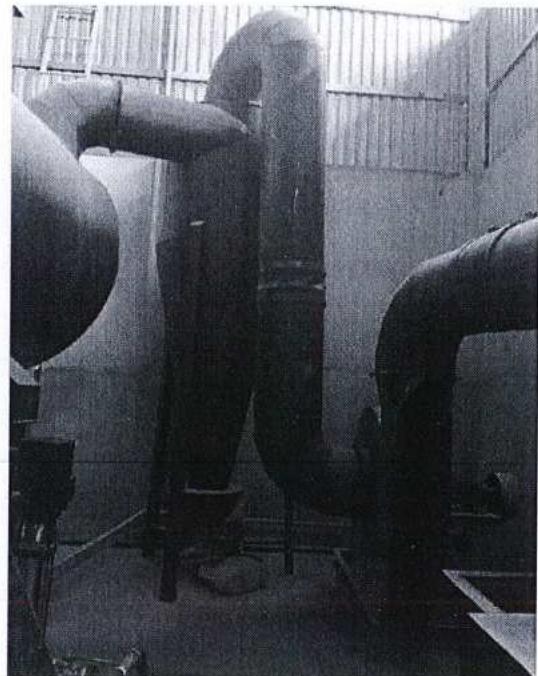
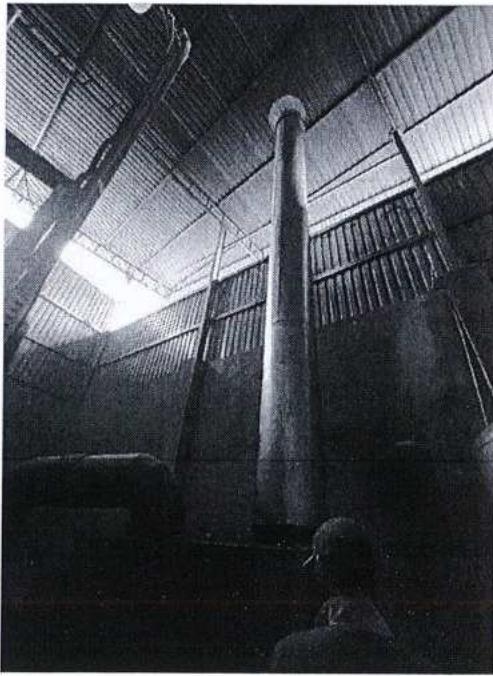
Số thứ tự	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Nguồn gốc
<b>I Lò hơi đang hoạt động</b>					
1	Quạt hút	Cái	1	Công suất 25HP, điện áp 380V, lưu lượng: 25.000 m <sup>3</sup> /giờ, tốc độ quay: 1.440 vòng/phút	Việt Nam
2	Cyclone	Cái	1	Chiều cao 2,5, kích thước 1,1m đường kính	Việt Nam
3	Bể hấp thụ	Cái	1	Dài= 2,5m , rộng = 1,5 m, cao = 1,5 m	Việt Nam
4	Ống thải	Ống	1	Đường kính 470cm, chiều cao 10m so với mặt đất	Việt Nam

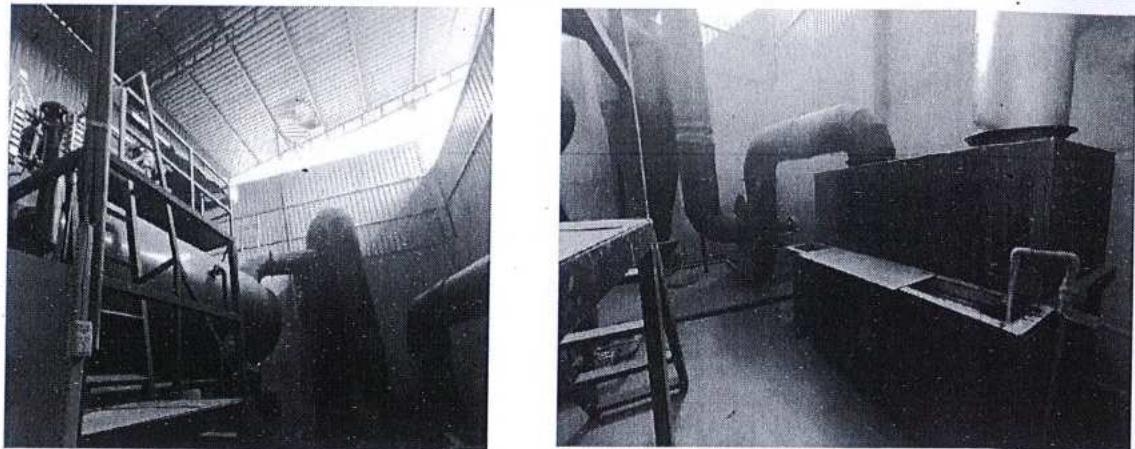
(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Liên Việt)

+ Chế độ vận hành hệ thống xử lý: 8 giờ/ngày.

Định kỳ, cơ sở sẽ tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ hệ thống xử lý bụi trên. Tiến hành thay thế các thiết bị, phụ tùng cần thiết (quạt hút, bulong, ốc vít). Chất thải phát sinh từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng như: dầu nhớt thải, giẻ lau, được đưa về kho chứa CTNH để lưu giữ.

Dưới đây là một số hình ảnh hệ thống xử lý khí thải lò hơi của cơ sở:





Hình 3.5. Hình ảnh hệ thống xử lý khí thải lò hơi của cơ sở

## 2.2. Bụi, khí thải từ quá trình bốc dỡ hàng, phương tiện giao thông

Bụi phát sinh từ quá trình bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm của cơ sở có tính chất là phân tán, tác động không liên tục và nồng độ không cao. Để hạn chế nguồn ô nhiễm này cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực tập kết nguyên liệu để hạn chế bụi phát tán từ mặt đất.
- Thực hiện chế độ ra vào của phương tiện vận chuyển nguyên liệu hàng hóa: xe chạy chậm khi ra vào nhà máy, thực hiện tắt máy khi bốc dỡ hàng.
- Công nhân được trang bị đồ bảo hộ lao động như khẩu trang chống bụi, mắt kính chuyên dùng, găng tay,...trong lúc bốc dỡ hàng.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy, trên các tuyến đường nội bộ, khu vực nhận, chở nguyên liệu hàng hóa.
- Các phương tiện di chuyển trong nhà máy được bảo trì thường xuyên và khuyến cáo sử dụng nhiên liệu an toàn, thân thiện với môi trường.
- Trong quá trình bốc dỡ hàng yêu cầu tắt máy không để máy nổ.
- Phun nước đoạn đường giao thông trước cổng ra vào trong những ngày nắng nóng để giảm lượng bụi cuốn lên từ mặt đường.

## 3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Toàn bộ khối lượng CTRSH, CTR CNTT và CTNH tại cơ sở được phân loại, thu gom vào các thùng chứa ngay tại khu vực phát sinh. Sau đó, dựa vào đặc tính rác thải mà được lưu giữ tại nơi phù hợp, chi tiết phương án thu gom, xử lý chất thải tại dự án như sau:



### 3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

#### ➤ Công trình, biện pháp lưu giữ

Rác sinh hoạt được phân loại như sau:

- Những thành phần rác thải không thể tái chế như các loại thực phẩm dư thừa, các loại rau quả, trái cây,... có khả năng phân hủy sinh học và phát sinh mùi hôi, nước rỉ rác được thu gom riêng và lưu giữ trong các túi rác.

- Thu gom:** Bố trí các thùng rác nhựa dung tích 60 lít đặt trong nhà vệ sinh, văn phòng để thu gom chất thải sinh hoạt. Cuối ngày (hoặc khi rác đầy) công nhân vệ sinh sẽ đưa chất thải sinh hoạt đến khu tập kết trước cổng với diện tích 10 m<sup>2</sup> để chờ đơn vị thu gom đến thu gom. Công ty trang bị các thùng chứa chuyên dụng bằng nhựa HDPE dung tích 120 lít có nắp đậy kín tại các khu vực thường xuyên phát sinh.

Bảng 3.2. Số lượng thùng rác chứa chất thải rắn sinh hoạt tại Công ty

Số lượng (Thùng)	Dung tích (lít)	Đặc điểm	Khu vực
3	60	<ul style="list-style-type: none"> <li>Màu xanh.</li> <li>Có nắp đậy ngăn mùi và chấn nước mưa, nắng.</li> <li>Cấu tạo nhẵn 2 mặt giúp việc vệ sinh thùng rác sau khi thu gom rác được dễ dàng.</li> <li>Thùng rác 60 lít, kích thước 0,42 x 0,42 x 0,63 (m).</li> </ul> <p>Vật liệu: Nhựa HDPE.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>02 cái khu nhà xưởng.</li> <li>01 cái khu vực văn phòng.</li> </ul>
2	120	<ul style="list-style-type: none"> <li>Màu xanh.</li> <li>Có nắp đậy ngăn mùi và chấn nước mưa, nắng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>01 cái khu vực trước cổng nhà xưởng</li> <li>01 cái khu vực trước cổng văn phòng</li> </ul>

Số lượng (Thùng)	Dung tích (lít)	Đặc điểm	Khu vực
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo nhẵn 2 mặt giúp việc vệ sinh thùng rác sau khi thu gom rác được dễ dàng.</li> <li>- Thùng rác 120 lít, kích thước 0,54 x 0,45 x 0,92 (m).</li> <li>Vật liệu: Nhựa HDPE.</li> </ul>	

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Liên Việt)

- + **Lưu trữ:** Khu vực tập kết rác thải sinh hoạt được bố trí gần cổng cơ sở với diện tích khoảng 10 m<sup>2</sup> (thuộc phạm vi của cơ sở).
- + **Xử lý:** Cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.
  - **Khối lượng phát sinh**
    - Khối lượng CTR sinh hoạt của cơ sở là 15 kg/ngày (bình quân 1 ngày mỗi người thải 0,5 kg/ngày, số lượng công nhân viên là 30 người).
    - Với khối lượng phát sinh 15 kg/ngày x 312 ngày/năm = 4.680 kg/năm (tương đương 4,68 tấn/năm).
    - Hiện tại công ty đã bố trí khu vực tập kết CTR sinh hoạt với diện tích khoảng 10 m<sup>2</sup>, gồm 02 thùng chứa bằng nhựa HPDE dung tích 120 lít màu xanh lá cây để lưu chứa CTR sinh hoạt hằng ngày.

### 3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- + **Thu gom:** Vỏ hạt điều từ quá trình sản xuất được lưu tại máng thu trong dây chuyền sản xuất.
  - + **Lưu trữ:** Công ty bố trí khu vực lưu chứa vỏ điều ở cuối nhà xưởng với diện tích 30m<sup>2</sup> bằng máng thu được làm bằng thép, cách mặt đất 4m, có mái che → Bán cho đơn vị có nhu cầu sử dụng.
  - + **Xử lý:** Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Liên Việt đã ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH TM SX Thiên Bảo BP, tần suất thu gom dựa vào khối lượng chất thải phát sinh để không ảnh hưởng đến khu vực xung quanh (*Tần suất thu gom 1 lần/ngày*).
- **Khối lượng phát sinh**

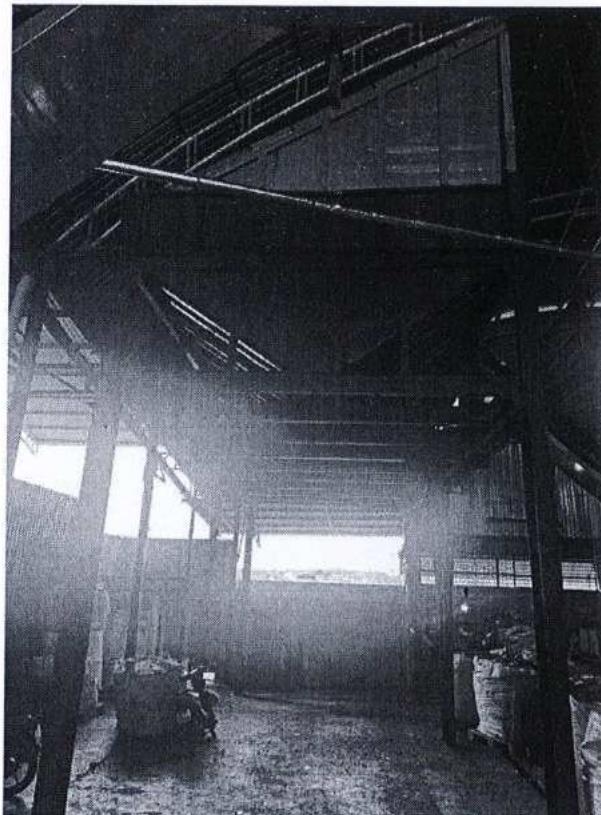
Thành phần và khối lượng CTR CNTT tại cơ sở được thể hiện dưới bảng sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Bảng 3.3. Thành phần và khối lượng CTR CNTT phát sinh

STT	Nhóm chất thải rắn	Khối lượng (tấn/năm)	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
		Năm 2024			
1	Vỏ điều	20.200	Rắn	14 04 03	TT - R
	Tổng	20.200		-	-

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Liên Việt)



Hình 3.6. Hình ảnh mảng thu vỏ hạt điều của cơ sở

#### 4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh được trình bày tại bảng dưới đây:

Bảng 3.4. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

Sđt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Hóa chất thải bao gồm hoặc có thành phần nguy hại	13 02 02	Rắn/lỏng	5	KS
2	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	5	KS

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Số thứ tự	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Kí hiệu phân loại
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 03 01	Rắn/lỏng	5	KS
4	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại	09 01 01	Rắn	5	KS
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	10	NH
6	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn khác	17 02 04	Lỏng	5	NH
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn	18 01 02	Rắn	50	KS
-	<b>Tổng cộng</b>	-	-	<b>85</b>	-

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Liên Việt)

➤ Công trình, biện pháp lưu giữ

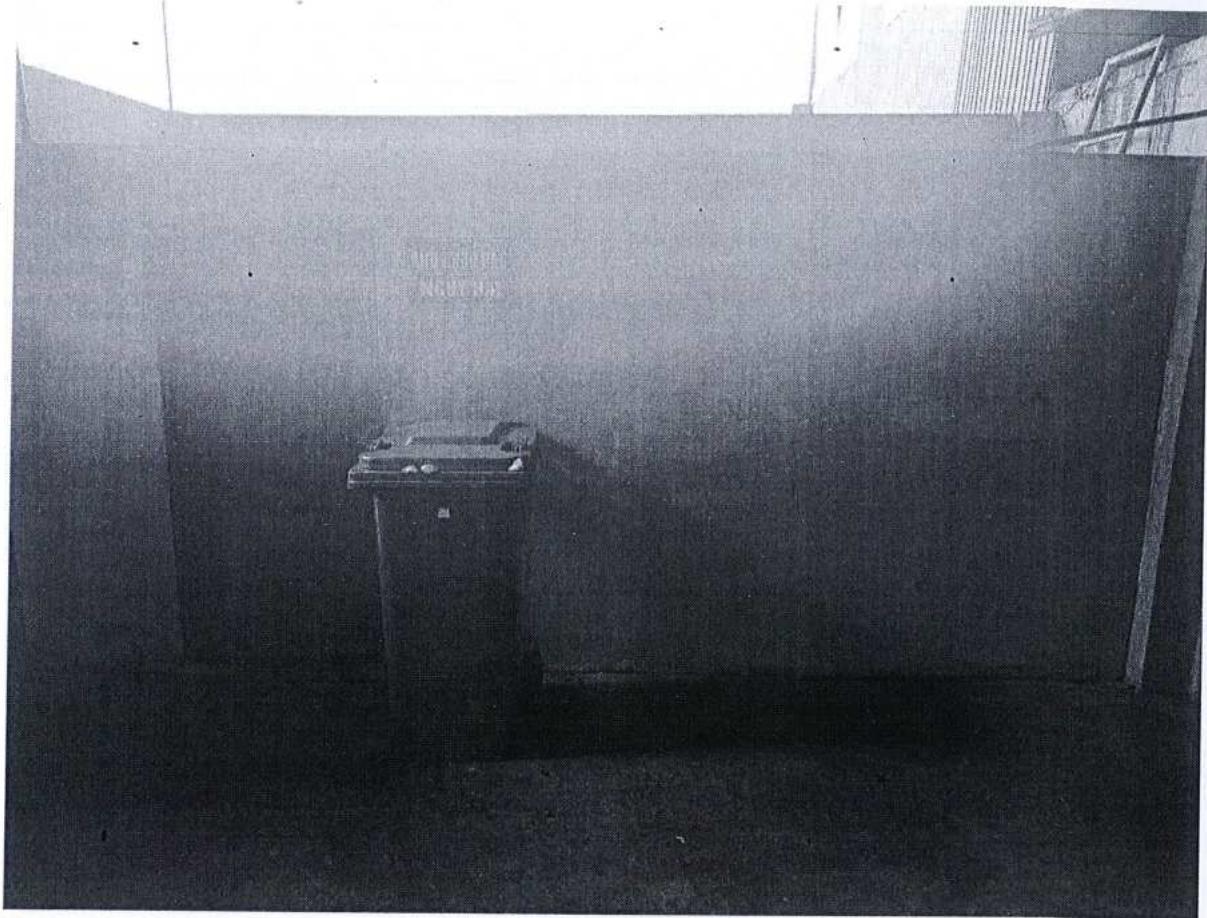
+ **Thu gom:** Chất thải nguy hại phát sinh hằng ngày tại cơ sở được thu gom đưa về khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.

+ **Lưu trữ:** Kho chứa CTNH có diện tích 15m<sup>2</sup> (5m x 3m) cuối khu đất của cơ sở. Kho chứa được xây dựng kiên cố, tường xây gạch kết hợp vách tôn, mái lợp tôn, chống nước mưa từ ngoài tạt vào.

Các loại chất thải nguy hại được phân loại theo chủng loại trong các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

- Tên CTNH, mã CTNH theo danh mục CTNH.
- Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra.
- Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707 - 2009.
- + **Xử lý:** Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu trữ là xử lý CTNH với Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý theo Hợp đồng số 000592/2024/CGQ đến thu

gom và vận chuyển chất thải đến nơi xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 01 năm/lần. (Hợp đồng được đính kèm ở phụ lục)



Hình 3.7. Hình ảnh kho chứa CTNH của cơ sở

## 5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

### 5.1. Nguồn phát sinh

#### \* Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông

Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở như xe máy, xe hơi của cán bộ công nhân viên và khách, xe tải vận chuyển nguyên vật liệu tới cơ sở và vận chuyển thành phẩm đi tiêu thụ. Đây là nguồn gây ồn không liên tục, thông thường các thời điểm phát sinh tiếng ồn từ hoạt động giao thông lớn là thời gian đầu và cuối mỗi ca sản xuất khi công nhân viên ra vào cơ sở để làm việc và khi cơ sở nhập xuất hàng tập trung.

Bảng 3.5. Cường độ ồn của các loại xe cơ giới

Loại xe	Cường độ ồn (dBA)	QCVN 26:2010/BTNMT (dBA)
Xe vận tải	93	Từ 6h – 70h: 70
Xe moto 4 thì	94	Từ 21h – 6h: 55

(Nguồn: Tổ chức FHA (Federal Highway Administration), Mỹ, 1999)

**Nhận xét:** Qua số liệu thống kê ở bảng trên có thể thấy cường độ ồn của các loại xe cơ giới ra vào cơ sở vượt giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT.

Đây là nguồn phát sinh không liên tục, chỉ xảy ra trong thời gian rất ngắn nên tác động đến môi trường, con người là không đáng kể. Tuy nhiên, chủ cơ sở sẽ có những phương án cụ thể nhằm giảm thiểu tối đa các tác động của tiếng ồn trong khu vực.

#### ♦ Tiếng ồn từ dây chuyền sản xuất

Đối với hoạt động sản xuất của cơ sở, căn cứ vào quy trình sản xuất và danh sách các thiết bị, máy móc tại cơ sở được nêu ở Chương I, các nguồn phát sinh tiếng ồn được nhận định chủ yếu từ các công đoạn sau đây:

Bảng 3.6. Danh sách các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

STT	Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung
1	Từ hoạt động của máy sàng điều
2	Từ hoạt động của máy chế
3	Từ hoạt động của máy bắn màu
4	Từ hoạt động máy đóng gói tự động
5	Từ hoạt động của máy đánh lụa
6	Từ hoạt động của máy nén khí

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Liên Việt)

Tiếng ồn sẽ gây những tác động tiêu cực đến công nhân làm việc trực tiếp tại xưởng nếu tiếp xúc trong thời gian dài. Tiếng ồn tác động đến tai, sau đó tác động đến hệ thần kinh trung ương, đến hệ tim mạch, dạ dày và các cơ quan khác. Mức ồn ảnh hưởng đến các bộ phận của cơ thể người cụ thể như sau:

Bảng 3.7. Tác động của tiếng ồn ở các dãy tần số

STT	Mức ồn (dBA)	Tác động người nghe
1	0	Ngưỡng nghe thấy
2	100	Bắt đầu làm biến đổi nhịp đập của tim
3	110	Kích thích mạnh màng nhĩ
4	120	Ngưỡng chói tai
5	130 – 135	Gây bệnh thần kinh và nôn mửa, làm yếu xúc giác và cơ bắp
6	140	Đau chói tai, nguyên nhân gây bệnh mất trí, điên
7	145	Giới hạn mà con người có thể chịu đựng được với tiếng ồn

STT	Mức ồn (dBA)	Tác động người nghe
8	150	Nếu mức chịu đựng lâu sẽ bị thủng màng tai
9	160	Nếu tiếp xúc lâu sẽ gây hậu quả nguy hiểm lâu dài

(Nguồn: Environmental technology series, 1993)

#### ♦ Độ rung

Quá trình sản xuất của cơ sở sẽ phát sinh độ rung do va đập của các bộ phận cơ học của các loại máy móc, thiết bị và các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy.

Độ rung có thể gây ra những tác động có hại, cụ thể:

- Đối với con người: độ rung và tiếng ồn do rung có thể gây đau đầu, chóng mặt, buồn nôn giống trạng thái say tàu xe do thế đứng không vững, từ đó ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe công nhân trực tiếp vận hành, hiệu suất làm việc cũng như lan truyền trên nền đất ra môi trường xung quanh.

#### 5.2. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Các biện pháp mà cơ sở đã thực hiện nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung như sau:

- Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ 5km/h, không bóp còi;
- Khu vực sản xuất được bố trí cách biệt với khu vực văn phòng và ngăn cách với các khu vực sản xuất khác. Tiếng ồn tạo ra từ mỗi quá trình sau khi đã được giảm thiểu bằng tường nhà che chắn và ở một khoảng cách nhất định sẽ giảm thiểu được tác động cộng hưởng.
- Các thiết bị, máy móc được lắp đặt các thiết bị chống ồn cần thiết, được đặt trên các bệ đỡ bê tông, có tác dụng hạn chế rung động;
- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng máy, độ mài mòn các chi tiết, kiểm tra dầu mỡ và thay thế các thiết bị, máy móc bị mài mòn quá mức cho phép, bảo dưỡng thiết bị, máy móc định kỳ.
- Cách ly khu vực xưởng với các khu dân cư xung quanh tận dụng các khu đất trống, vành đai xung quanh để trồng cây xanh.
- Ngoài ra, xưởng còn trang bị nút bịt tai, chụp tai chống ồn,... cho công nhân vận hành tại các khu vực có độ ồn cao.
- Trồng cây xanh.

### 6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

#### 6.1. Sự cố tại hệ thống thoát nước và bể tự hoại

- Theo dõi và khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra.
- Định kỳ thuê đơn vị chức năng hút bùn tại bể tự hoại.
- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống đường ống thu gom và thoát nước thải.

## 6.2. Phương pháp phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ

### ❖ Phương pháp phòng chống cháy nổ

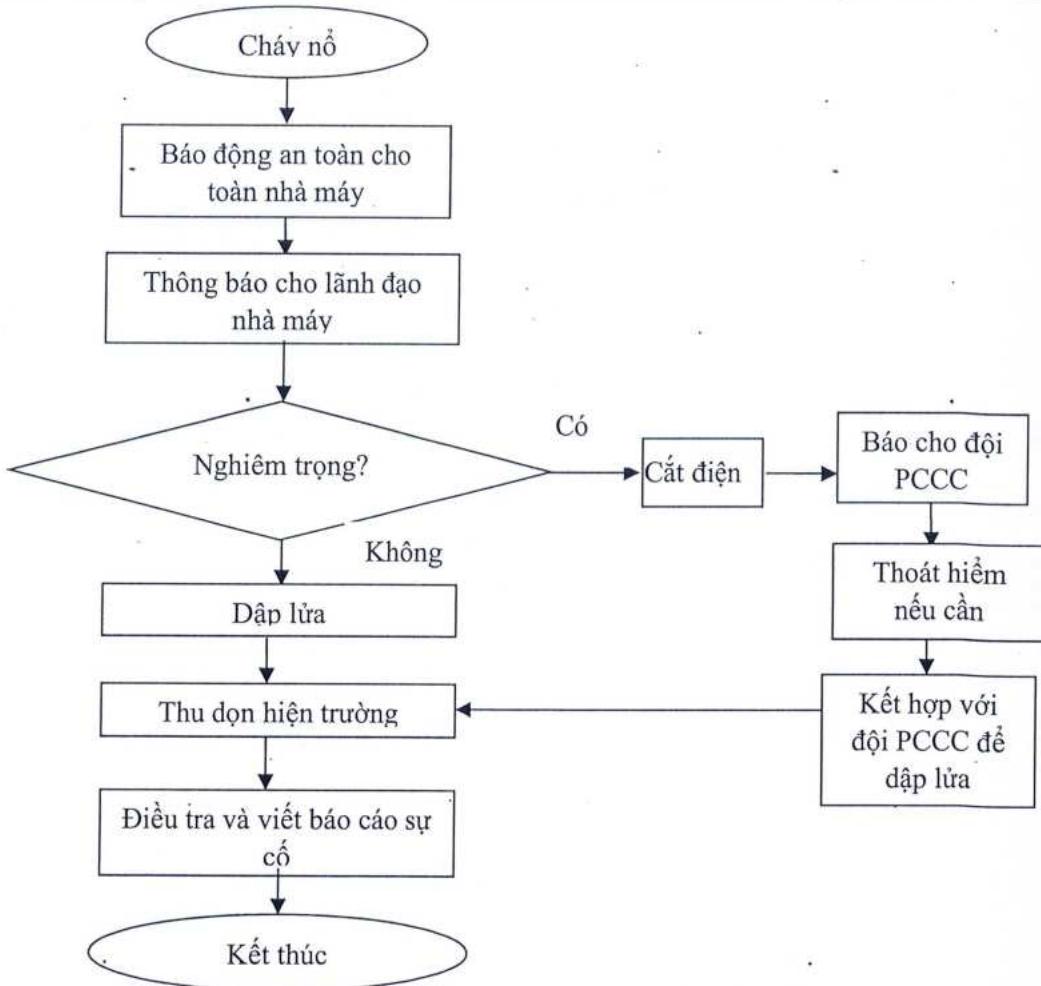
- Để đảm bảo an toàn PCCC, song song với việc chấp hành nghiêm ngặt các quy định an toàn PCCC, chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp sau:
  - Niêm yết nội quy PCCC, biển cấm lửa, cấm hút thuốc ở các khu vực dễ cháy.
  - Trang bị phương tiện chữa cháy, cứu nạn cứu hộ phục vụ việc chữa cháy, thoát nạn, cứu người phù hợp với quy mô, tính chất nguy hiểm cháy.
  - Xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, cứu người trong tình huống xảy ra cháy phức tạp nhất.

### ❖ Phương án ứng phó sự cố cháy nổ trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn:

Khi có sự cố cháy, nổ xảy ra: Người phát hiện đám cháy nhanh chóng báo động cho toàn thể cán bộ công nhân viên biết để có giải pháp xử lý sự cố cháy, nổ vừa xảy ra. Đồng thời, báo cháy đến cho đội chữa cháy chuyên nghiệp đến dập tắt đám cháy (trong trường hợp nhân viên đó không thể tự dập tắt đám cháy). Lực lượng bảo vệ nhanh chóng tập trung lực lượng, triển khai phương án chữa cháy theo các bước cụ thể như sau:

- Báo động cháy tại khu vực đang xảy ra cháy.
- Cúp điện toàn bộ khu vực xảy ra cháy.
- Gọi điện cho lực lượng Cảnh sát PC&CC theo số 114 và các đơn vị xung quanh đến hỗ trợ chữa cháy.

### ❖ Quy trình ứng phó khi có cháy



Hình 3.8. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

Thông báo: khi phát hiện ra sự cố thì tất cả các cán bộ công nhân viên đều có thể biết và thông báo qua điện thoại, báo động qua kẽm, chuông báo động, trực tiếp báo cho đội phòng cháy, chữa cháy tinh.

Dập lửa: Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại chỗ và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như bình chữa cháy, cát và nước để dập lửa. Trường hợp cháy ở mức độ nghiêm trọng thì đội PCCC sẽ liên hệ với cơ quan PCCC địa phương để phối hợp chữa cháy, dập cháy nhanh chóng, giảm thiểu các thiệt hại về người và tài sản.

Thu dọn hiện trường: Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm: Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó chủ đầu tư sẽ cùng với cơ quan hữu quan sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra chủ đầu tư sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể

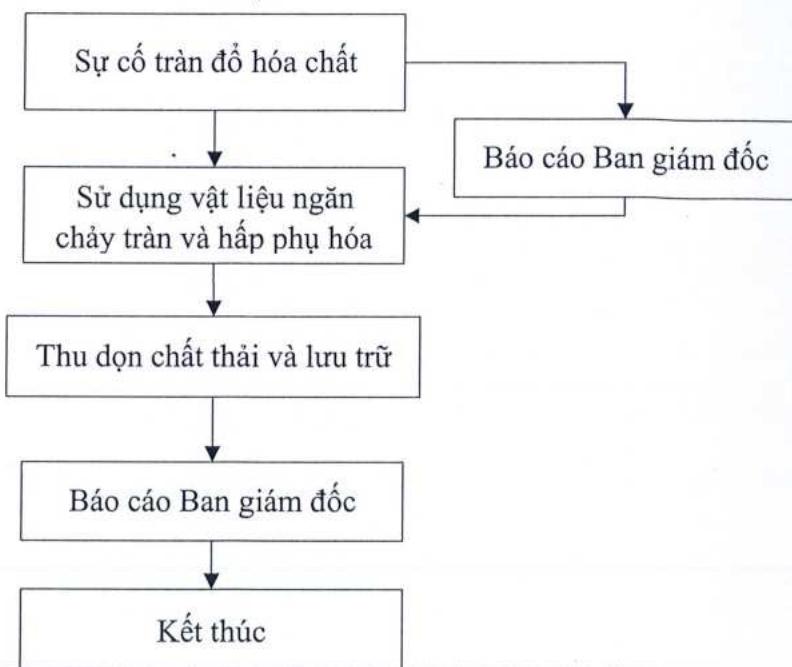
khắc phục.

### 6.3. Sự cố về hóa chất

Để tránh ảnh hưởng tới môi trường và sức khỏe công nhân, cơ sở đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa như sau:

- Lưu trữ hóa chất tại khu vực riêng biệt, đảm bảo điều kiện để hóa chất không xảy ra phản ứng và rò rỉ trong quá trình dự trữ.
- Thông thoáng khu vực làm việc tại xưởng.
- Mang kính bảo hộ, mặc đồ bảo hộ, mang gang tay, giày bảo hộ, khẩu trang chống công nhân trong quá trình làm việc tiếp xúc trực tiếp với hóa chất.
- Khi tràn đổ hoặc rò rỉ hóa chất di dời các vật chứa ra khỏi khu vực, dùng các chất hấp thụ (cát, đất,...) khi hóa chất tràn đổ.
- Bao bì hóa chất sau khi sử dụng hết, được thu gom và lưu trữ tại khu vực lưu trữ CTNH.
- Phổ biến kiến thức và kỹ năng cho công nhân viên về an toàn hóa chất.

Sơ đồ ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất như sau:



Hình 3.9. Quy trình ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất

### 6.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi và khí thải

Để kiểm soát chất lượng khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B. Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

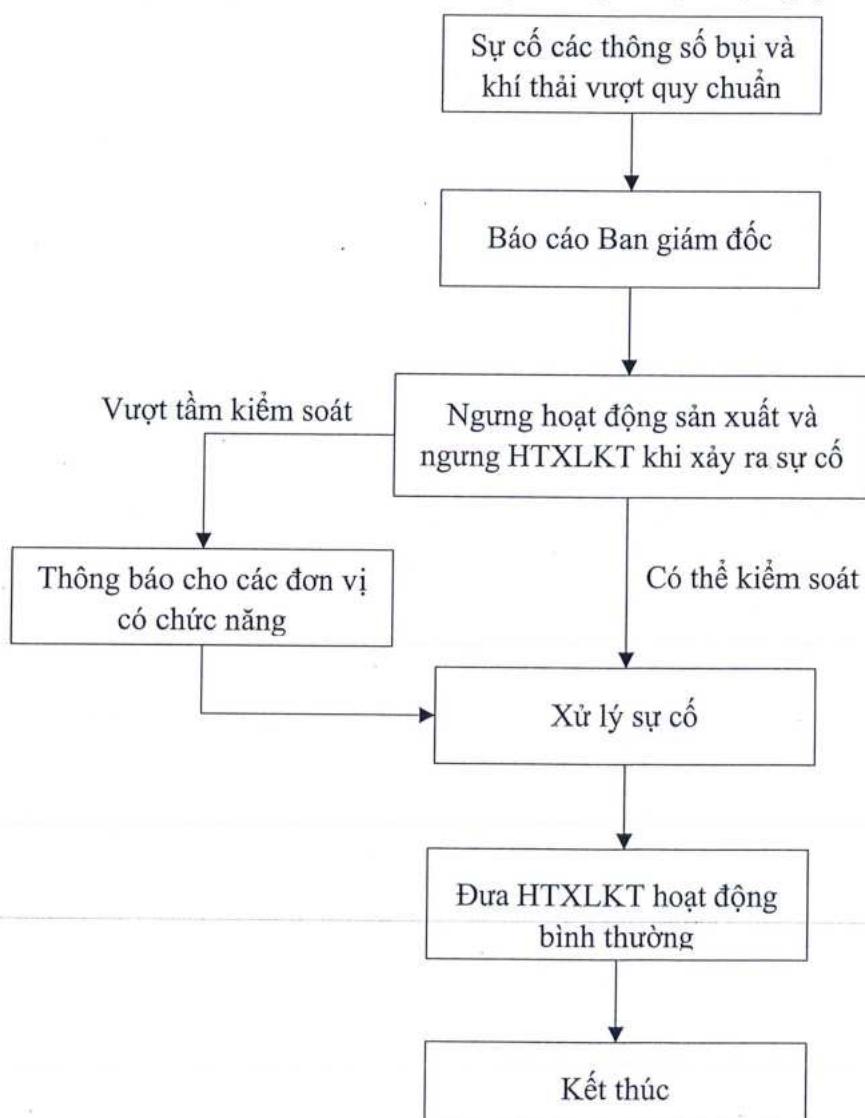
- Công ty sẽ thường xuyên kiểm tra các chi tiết của hệ thống xử lý khí thải như quạt hút, máy bơm,... khi có phát hiện có thiết bị hư hỏng sẽ kịp thời sửa chữa và thay thế.

- Định kỳ theo ca, ngày làm việc nhân viên vận hành hệ thống XLKT và bảo trì có trách nhiệm kiểm tra tình trạng các thiết bị, các đường ống, tình trạng của các thiết bị xử lý để kịp thời xử lý khi có hiện tượng như rò rỉ, rách thủng, hư hại do quá trình vận chuyển, tuổi thọ công trình hoặc do va đập.

#### a. Quy trình vận hành ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi và khí thải

Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 1 Điều 109 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Hiện nay, cơ sở đã thành lập đội ứng phó sự cố môi trường với các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sự cố đối với các hệ thống xử lý bụi và khí thải như sau:

##### ❖ Sự cố bụi và khí thải sau hệ thống xử lý vượt quy chuẩn.



Hình 3.10. Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải

## Báo cáo để xuất cấp giấy phép môi trường

### b. Sự cố lò hơi

Các sự cố có thể xảy ra trong quá trình vận hành lò hơi của cơ sở như sau:

Bảng 3.8. Một số sự cố điển hình với lò hơi

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
1	Cạn nước nghiêm trọng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông thủy sáng không còn nước mà chỉ còn một màu sáng óng ánh khi quan sát</li> <li>- Mở van thấp nhất của ông thủy tối không có nước chảy ra mà chỉ có hơi phut ra.</li> <li>- Áp suất hơi tăng nhanh, van an toàn tác động liên tục.</li> <li>- Toàn bộ nồi hơi nóng hơn mức bình thường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công nhân vẫn hành không theo dõi ông thủy để cấp nước thêm kịp thời.</li> <li>- Van xả đáy không kín.</li> <li>- Bom cấp nước hỏng, bom vẫn chạy nhưng nước không vào được nồi hơi.</li> <li>- Hệ thống ống cấp nước bị tắt hoặc bồn chứa nước trung gian không đủ nước, bom không có tác dụng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến hành thông rửa ống thủy</li> <li>1. Nếu thấy nước lắp ló chân ống thủy sang thi nồi hơi chưa cạn nước tới mức nghiêm trọng. Trường hợp này tiến hành cấp nước bổ sung phân đoạn kết hợp với việc xả đáy phân đoạn, đồng thời giảm cường độ đốt bằng cách giảm lượng dầu cung cấp cho béc đốt hoặc tắt hẳn béc đốt. Khi mực nước trở lại vị trí trung gian của ống thủy sáng, cho nồi hơi hoạt động trở lại bình thường.</li> <li>2. Khi tiến hành thông rửa ống thủy mà không thấy nước trong ống thủy, mở nhanh van thấp nhất của ống thủy cũng chỉ thấy hơi phut ra thì nồi hơi bị cạn nước nghiêm trọng. Trong trường hợp này cần cấm tuyệt đối cấp nước bồ sung, công nhân vận hành cần nhanh chóng thao tác ngừng các sự cố như sau:</li> </ul>

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
			<ul style="list-style-type: none"> <li>Đóng lá hướng khói, tắt quạt gió.</li> <li>Tắt béc đốt, ngừng cung cấp dầu cho béc đốt.</li> <li>Đóng van hơi chính.</li> <li>Đóng tất cả cửa tránh không khí lạnh lọt vào buồng đốt.</li> </ul>	<p>Sau khi ngừng lò do sự cố, cần để thời gian cho nồi hơi nguội từ từ. Khi áp suất giảm dưới mức làm việc bình thường, cần kiểm tra các bộ phận liên quan, đặc biệt các bệ mặt tiếp xúc nhiệt, sau đó tiến hành xử lý như trường hợp trên.</p> <p>Khi xác định van xả đáy không kín, nước chảy mạnh qua đường xả đáy hoặc van một chiều không kín, đường cấp nước (từ bóm tới nồi hơi) nóng quá mức bình thường, phải tiến hành ngừng hoạt động. Xử lý giống trường hợp cạn nước nghiêm trọng.</p>
2	Mức nước quá dày	- Nước ngập ống thủy và nghe thấy tiếng va đập thủy lực bên trong nồi hơi.	- Khi tiến hành cấp nước bổ sung nước cho nồi hơi, công nhân	<p>1. Thông rửa ống thủy, giảm bớt cường độ đốt, xả đáy để mức nước bình thường trở lại.</p>

Báo cáo để xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp suất hơi giảm, hơi nước cấp bên trong tiêu thụ lǎn nhiều nước ngưng.</li> <li>- Định ống thủy có bọt khí.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>không quan sát ống thủy sáng để ngung bơm kịp thời.</li> <li>- Cường độ đốt cao, bên sử dụng ít hoặc ngưng sử dụng nồi hơi.</li> </ul> <p>Trong trường hợp này mức nước trung bình của ống thủy có thể vượt quá mức cho phép cao nhất.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>2. Xả nước trên đường cấp hơi, cho nồi hơi hoạt động trở lại</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Tiến hành thông rửa ống thủy, sau khi thông, mức nước trong ống thủy phải dao động. Cẩn cù vào mức nước này, biết nồi hơi đang trong tình trạng nào để xử lý tiếp.</li> <li>2. Đặc biệt chú ý:</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong các ca vận hành, công nhân không thực hiện thông rửa ống thủy.</li> <li>- Ống thủy bị tắt sau khi thông rửa.</li> </ul>
3	Ông thủy báo mực nước giả tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mực nước trong ống thủy đứng yên, không giao động lên xuống.</li> <li>- Hai ống thủy sáng báo hai mức nước khác nhau.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong các ca vận hành, công nhân không thực hiện thông rửa ống thủy.</li> <li>- Ông thủy bị tắt sau khi thông rửa.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mỗi ca vận hành cần thông rửa ống thủy đầu ca và giữa ca như quy định trong trình vận hành.</li> <li>- Mực nước giả tạo trong ống thủy nếu không phát hiện kịp thời sẽ dẫn đến các sự cố đầy nước quá mức hoặc cạn nước nghiêm trọng, nếu không kịp thời xử lý sẽ dẫn đến hậu quả vỡ nồi hơi.</li> </ul>

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
4	Áp suất tăng quá mức cho phép	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Van an toàn tác động liên tục, đồng hồ áp lực chỉ trị số cao hơn áp suất làm việc bình thường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Van an toàn không tác động hoặc tác động không kịp thời, tác động không hết công suất do kẹt.</li> <li>- Cường độ đốt tăng quá mức bình thường.</li> <li>- Bên tiêu thụ ngừng việc lấy hơi, trong khi bên cung cấp vẫn hoạt động.</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giảm cường độ đốt, đóng lá hướng khói.</li> <li>2. Mở van xả khí hoặc mở cưỡng chế van an toàn (bằng tay).</li> <li>3. Xả đáy giàn đoạn kết hợp với cấp nước bổ sung.</li> </ol>
5	Phồng, nở	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhìn qua cửa kiểm tra vào buồng đốt thấy bộ phận của điện tích tiếp nhiệt bị phồng.</li> <li>- Hoặc nghe thấy tiếng nổ ống sinh hơi (ống lò, ống lira) bên trong lò, hơi nước thoát ra ống khói, áp suất tụt nhanh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong các đợt định kỳ sửa chữa, bão dưỡng, không làm vệ sinh sạch cầu cặn, bẩn trên bề mặt kim loại của phần bị đốt nóng.</li> <li>- Không phát hiện được các chỗ yếu cục bộ do ăn mòn để xử lý trước.</li> <li>- Chất lượng nước cấp không đảm bảo.</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tiến hành thao tác ngừng lò sục có bằng cách:           <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tắt béc đốt</li> <li>+ Tắt quạt gió</li> <li>+ Đóng lá hướng khói</li> </ul> </li> <li>2. Khi nồi hơi có chỗ phồng thì nhanh chóng hạ áp suất bằng cách mở van xả khí và cưỡng chế mở van an toàn.</li> <li>3. Để nguội nồi, tiến hành kiểm tra và sửa chữa chỗ phồng.</li> </ol>

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
6	Nổ vỡ ống thủy sáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe tiếng nổ vỡ ống thủy tinh, nước và hơi bốc ra mù mịt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp ống thủy tinh không đồng tâm nên ống thủy tinh bị nứt.</li> <li>- Do nước lạnh bắn vào hoặc do vật cứng va vào.</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đóng các đường hơi và đường nước để thay ống thủy mới</li> <li>2. Không có ống thủy dự trữ thì ngừng hoạt động nồi hơi.</li> </ol>
7	Áp kế bị hỏng hoặc không chính xác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi kiểm tra áp kế, lúc ngắt kim không trở về vị trí số 0 mà lệch với vị trí “0” trị số lớn hơn <math>\frac{1}{2}</math> trị số cho phép.</li> <li>- Hơi và nước tràn đầy mặt kính.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không kiểm định đồng hồ hàng năm.</li> <li>- Do tác dụng của ngoại lực.</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trong trường hợp mặt kính bị vỡ, nhưng áp kế vẫn hoạt động tốt cho phép làm việc đến hết ca.</li> <li>2. Các trường hợp khác phải thay áp kế mới và báo cho nhà cung cấp.</li> </ol>
8	An toàn h้อง		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng không kín khi áp suất chua cao quá mức cho phép.</li> <li>- Vượt quá áp suất cho phép mà vẫn không làm việc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bè mặt tiếp xúc của van bị mòn không đều, bị vênh.</li> <li>- Kẹt cứng lò xo hoặc các bộ phận cơ khí do bẩn.</li> </ul>

*Báo cáo để xuất cấp giấy phép môi trường*

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
			vào nồi hơi, giữ cho mức nước trong nồi luôn luôn trên mức trung bình.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu xác minh rõ ràng là chỉ có một van xả ngoài bị hỏng thì có thể đóng chặt van chặn ở trong lại. sửa chữa hay thay thế van xả đáy, rồi cho hai này làm việc thử thấy thì cho nồi hơi làm việc lại như thường, nhưng phải hết sức chú ý để phòng bị hỏng</li> </ul>
9	Cụm van cấp nước bị hỏng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cụm van cấp nước gồm có 1 van chặn (hay còn gọi là van liên thông) và 1 van 1 chiều (hay còn gọi là van triệt hồi), van 1 chiều lắp sát nồi hơi.</li> <li>- Khi cụm van này bị hỏng thường gây ra hiện tượng hơi nước trong nồi hơi rò rỉ lại bơm cấp nước qua hệ thống ống cấp nước, khi đường ống này nghỉ, 2 van</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bề mặt tiếp xúc của van bị mòn, không đều, bị vênh.</li> <li>- Kẹt cứng lò xo hoặc các bộ phận cơ khí do bẩn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạm thời để cho nồi hơi đó làm việc đến kỳ sửa chữa gần nhất, nhưng không quá 1 tháng, đồng thời phải có biện pháp bảo vệ bơm cấp nước không bị hỏng do nước quá nóng, bằng cách thỉnh thoảng xả nước nóng đọng trong hệ thống ống cấp nước và trong bơm ra ngoài, khí phải sisa chữa những bộ phận của hệ thống đường ống hay bơm cấp nước, phải xả được hết còn lại trong ống ra ngoài mới tiến hành sửa chữa.</li> <li>- Nếu cụm van này bị hỏng nặng, nước hơi rò ra rất mạnh hay ngược lại bơm nước không vào, thiết thiết phải ngừng lò sục cỏ.</li> </ul>

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
10	Chảy đỉnh chì ở Balong	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chân đỉnh có hiện tượng chảy.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đinh chì có tác dụng bảo hiểm cho Balong (hay cửa ống lò) trong trường hợp cạn nước nghiêm trọng, trong trường hợp người công nhân vận hành.</li> </ul>	<p>1. Đối với nồi hơi có định chế bảo hiểm, việc chảy đỉnh chì là sự cố hết sức nghiêm trọng, làm giảm tuổi bền đáng kể của thiết bị.</p> <p>2. Trong trường hợp này phải báo cho thanh tra ATLLĐ đến lập biên bản, tổ chức điều tra sự cố, kiểm tra lại độ bền của nồi hơi, tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa mới được phép vận hành lại.</p> <p>- Nếu tường cuồn lò các phần bảo ôn bị sứt ít, nhẹ, không làm lộ những khung, giá, bệ đỡ... bằng kim loại ra, đường lùa khói chạy và không có nguy cơ làm nứt tường lò phía ngoài, thì cho phép lò làm việc tiếp đến kỳ sửa chữa gần nhất, nhưng không quá 1 tháng.</p> <p>- Nếu tường, cuồn lò, các phần bảo ôn bị sứt nhiều, nặng, làm cản trở việc thoát khói trong nồi hơi, làm cho các khung, giá, bệ đỡ của nồi hơi bị nóng đỏ, phải ngừng lò sự cố để sửa chữa.</p>
11	Sụt tường, cuồn lò, hỏng các phần trong lò	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi tường, cuồn lò bị sụt thì nghe thấy tiếng động khác thường trong buồng lùa, ống dẫn khí thải, đồng thời thấy lùa khói lùa ra khỏi cửa cấp nguyên liệu, tùy theo tường cuồn sụt nhiều hay ít, lùa sẽ lùa ra dài hay ngắn. Nếu tường cuồn lò bị sụt mà không phát hiện kịp thời có thể</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ yếu là do xây lắp không đúng quy cách: để mạch gạch quá rộng (trên 3mm), vữa gạch chịu lửa chọn không đúng công thức, gạch định hình xây các cuồn lò không đúng hình dáng thiết kế cuồn lò...</li> <li>- Do các vật chảng giumi đỡ tường, cuồn lò bị hỏng làm cho tường cuồn bị sụt.</li> </ul>	<p>- Nếu tường cuồn lò các phần bảo ôn bị sứt ít, nhẹ, không làm lộ những khung, giá, bệ đỡ... bằng kim loại ra, đường lùa khói chạy và không có nguy cơ làm nứt tường lò phía ngoài, thì cho phép lò làm việc tiếp đến kỳ sửa chữa gần nhất, nhưng không quá 1 tháng.</p> <p>- Nếu tường, cuồn lò, các phần bảo ôn bị sứt nhiều, nặng, làm cản trở việc thoát khói trong nồi hơi, làm cho các khung, giá, bệ đỡ của nồi hơi bị nóng đỏ, phải ngừng lò sự cố để sửa chữa.</p>

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
		<p>gây ra hiện tượng nứt tường lò nghiêm trọng, cháy đồ nhôm giá đốm khung lò hơi....</p> <p>- Khi các phần trong lò bị hỏng, kiểm tra thấy các sợi amiang của các ống xà đáy nồi (nằm trong lò hơi).</p>	<p>- Do các bộ phận dán nở trong nồi hơi bị chèn ép, bị các tường cuồn chèn đặt lại.</p> <p>- Do gạch và các chất bao ôn (amiang sợi, amiang tấm) đã quá cũ, bị ẩm nhiều lần khi sửa chữa, chưa được thay vật liệu mới.</p>	
12	Đường thoát khí thải bị nghẹt	<p>- Có hiện tượng khói phì ra cửa sổ, đặc biệt khi bật quạt lò và khi mở cửa lò, ống thải thoát khí yếu.</p>	<p>- Do van gió trong đường ống bị bí lại hoặc có vật lạ rơi vào gây nghẹt đường ống.</p>	<p>- Vệ sinh định kỳ ống lửa, buồng khói, đường thoát khói.</p> <p>- Trong trường hợp bị tắc nghẽn, phải ngừng lò và làm vệ sinh</p>

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Liên Việt)

#### ♦ Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố lò hơi

- Trong quá trình vận hành, thường xuyên theo dõi mực nước trong nồi hơi thông qua ống thủy nhằm tránh sự cố cạn nước làm cháy nồi hơi, gây hiện tượng cháy nổ do khi đó độ bền của vỏ nồi hơi giảm xuống, còn áp suất bên trong tăng lên.
- Đào tạo chuyên môn cho người vận hành lò hơi để họ nắm được khi xảy ra sự cố cạn nước trong nồi hơi, tuyệt đối không được đổ thêm nước vào nồi, bởi ở nhiệt độ cao, nước bốc hơi nhanh làm cho áp suất trong bình tăng cao đột ngột dẫn đến nổ lò hơi. Bên cạnh đó, người vận hành cần nhanh tay mở van an toàn áp trong nồi hạ xuống.
- Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn hơi, tránh rò rỉ hơi nước ra ngoài.
- Định lượng chính xác lượng chất đốt đưa vào buồng đốt trong khoảng cho phép, tránh việc cho quá nhiều hoặc cho liên tục sẽ làm lượng nhiệt cấp tăng lên, dẫn đến áp suất trong nồi hơi tăng làm nguy cơ cháy nổ.
- Định kỳ 1 tháng vận hành phải kiểm tra lại toàn bộ lò hơi 1 lần. Chú ý các loại van ống thủy, áp kế và ống sinh hơi có hiện tượng rò rỉ hay không.
- Từ 3 - 6 tháng vận hành phải ngừng lò kiểm tra sửa chữa đột xuất nếu có hiện tượng hư hỏng các bộ phận áp lực của lò hơi có nguy cơ gây tai nạn nghiêm trọng.
- Quá trình vận hành lò, đặc biệt lưu ý khi thời tiết nắng nóng sẽ dễ gây ra các sự cố.

*Một số kịch bản sự cố có thể xảy ra đối với hệ thống xử lý khí thải của lò hơi và cách khắc phục như sau:*

Bảng 3.9. Một số kịch bản sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải lò hơi

STT	Kịch bản sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
1	Sự cố tại buồng đốt làm xuất hiện khói đen	- Nhiệt độ buồng đốt bất thường, tầng số cấp nhiên liệu bất thường, tầng số quạt cấp 1 bất thường, áp suất quạt cấp 1 bất thường	- Ngừng cấp nhiên liệu vào lò đốt, tắt quạt hút khói, tắt quạt cấp. - Kiểm tra lại lượng oxy cấp vào lò thông qua quạt cấp 1, cấp 2
2	Sự cố đối với cyclone, tháp hấp thụ nồng độ bụi cao, vượt quy chuẩn	- Do hệ thống cyclone gặp sự cố, bị kẹt đinh, van xả bụi không hoạt động - Máy bơm cấp nước cho tháp hấp thụ không hoạt động	- Tiến hành kiểm tra van xả bụi sau đó tiến hành khắc phục. - Vận hành bơm dự phòng đảm bảo cấp nước.

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Liên Việt)

## Chương IV

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

##### 1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại và nước thải sản xuất được đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý, không xả trực tiếp ra ngoài môi trường).
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định.

##### 1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải:

###### 1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

###### a. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh kho đóng gói, được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn. Cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh của nhà xưởng, được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn. Cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý.
- Nguồn số 3: Nước thải từ khu vực sấy - hấp được thu gom dẫn về bể nằm âm cuối khu vực sấy - hấp với thể tích bể gom là 10m<sup>3</sup>. Định kỳ 1 - 2 tháng, cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý.

###### b. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại → Hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo quy định.
- Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất từ khu vực sấy hấp → Bể gom → Hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo quy định.

###### 1.2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom nước thải phát sinh từ hoạt động của công ty. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý, đảm bảo không phát sinh ra bên ngoài môi trường.
- Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

#### 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

##### a. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu (đốt củi) vận hành nồi hơi công suất 3 tấn/giờ.

b. Lưu lượng xả khí thải tối đa: 25.000 m<sup>3</sup>/giờ,

c. Dòng khí thải: 01 dòng khí thải sau khi qua hệ thống xử lý khí thải thải ra môi trường.

d. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K<sub>p</sub> = 1,0; K<sub>v</sub> = 0,8 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất lượng khí thải của cơ sở

Số thứ tự	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm QCVN 19:2009/BTNMT, cột B; K <sub>p</sub> =1,0; K <sub>v</sub> =0,8
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-
2	Nhiệt độ	°C	-
3	Áp suất	Pa	-
4	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	160
5	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	680
6	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	800
7	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	400

Nguồn: QCVN 19:2009/BTNMT

e. Vị trí, phương thức xả khí thải

- Vị trí xả khí thải: 01 vị trí

+ 01 vị trí tại 01 ống phát thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi đang hoạt động thoát vào môi trường, trong khuôn viên cơ sở tại tổ 8, khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 5.754.126; Y = 130.789 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15', mũi chiếu 3°).

- Phương thức xả khí thải: gián đoạn (08 giờ/ngày).

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

a. Nguồn phát sinh

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy sàng điều;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy chè;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy bắn màu;
- Nguồn số 04: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy đóng gói tự động;
- Nguồn số 05: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy đánh lụa;
- Nguồn số 06: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy nén khí.

b. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Bảng 4.2. Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Số	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn cho phép (Thời gian áp dụng trong ngày và mức giá tốc rung cho phép)		Quy chuẩn kỹ thuật môi trường	Ghi chú
			Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT	Khu vực thông thường
2	Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

Ghi chú:

QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung./.

#### 4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải

##### 4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

###### 4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Bảng 4.3. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại

Số	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Kí hiệu phân loại
1	Hóa chất thải bao gồm hoặc có thành phần nguy hại	13 02 02	Rắn/lỏng	5	KS
2	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	5	KS
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 03 01	Rắn/lỏng	5	KS

Báo cáo để xuất cấp giấy phép môi trường

Số thứ tự	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Kí hiệu phân loại
4	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại	09 01 01	Rắn	5	KS
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	10	NH
6	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn khác	17 02 04	Lỏng	5	NH
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn	18 01 02	Rắn	50	KS
-	<b>Tổng cộng</b>	-	-	<b>85</b>	-

**4.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

Bảng 4.4. Thành phần và khối lượng CTR CNTT phát sinh

Số thứ tự	Nhóm chất thải rắn	Khối lượng (tấn/năm)	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Vỏ điều	20.200	Rắn	14 04 03	TT - R
	<b>Tổng</b>	<b>20.200</b>	-	-	-

**4.1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

Bảng 4.5. Thành phần và khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh

Số thứ tự	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	4,68
	<b>Tổng</b>	<b>4,68</b>

**4.1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:**

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10 tháng 01 năm 2022.

**4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

#### **4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng phuy, thùng nhựa có nắp đậy.
- Kho lưu chứa:
  - + Diện tích kho: 15 m<sup>2</sup>.
  - + Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng vật liệu chống thấm, có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

#### **4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Thiết bị lưu chứa: tại máng thu.

#### **4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy.
- Khu vực tập kết: Trước cổng Công ty.

Thu gom: Bố trí các thùng chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 60 lít. Cuối ngày công nhân vệ sinh sẽ đưa chất thải sinh hoạt vào các thùng chứa có dung tích 120 lít.

+ Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

## Chương V

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### 1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

##### 1.1. Tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện

Cơ sở đã có Giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường số 30/GXN-UBND Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long cấp.

Cơ sở không thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

Cơ sở thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải. Kết quả quan trắc được trình bày tại mục 3 chương này.

+ Đối với khí thải: Cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý khí thải đối với lò hơi

+ Đối với rác thải sinh hoạt: Cơ sở đã bố trí các thùng lưu chứa và hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý

+ Đối với rác thải công nghiệp thông thường: Cơ sở đã bố trí máng thu 30m<sup>2</sup> và hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý.

+ Đối với chất thải nguy hại: Cơ sở đã bố trí kho lưu chứa diện tích 15m<sup>2</sup> và hợp đồng thu gom với Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu trữ là xử lý CTNH với Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý theo Hợp đồng số 000592/2024/CGQ đến thu gom và vận chuyển chất thải đến nơi xử lý theo đúng quy định

##### 1.2. Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường (kèm theo các văn bản báo cáo trong Phụ lục) của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền

Không có.

#### 2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

Không có

#### 3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, không khí

##### 3.1. Thông tin đơn vị quan trắc

- Đơn vị phân tích mẫu 1: Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động.

+ Địa chỉ: Số 286/8A Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10

+ Điện thoại: 0908260674

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 026.

- Đơn vị phân tích mẫu 2: Công ty TNHH Đầu tư và Môi trường Việt Nam.

+ Địa chỉ: 54E Đường 18, Khu Phố 3, Thủ Đức, Hồ Chí Minh

## Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 308.

### 3.2. Kết quả quan trắc không khí xung quanh

- Vị trí quan trắc: 02 vị trí.
- + 01 vị trí khu vực cảng ra vào (KK1).
- + 01 vị trí khu vực xưởng sản xuất (KK2).
- Thời gian quan trắc: Ngày 10/03/2023.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT.
- Tần suất quan trắc: 01 lần/năm.

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc không khí xung quanh tại khu vực cảng

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 26:2010/BTNMT	QCVN 05:2023/BTNMT
1	Nhiệt độ	°C	30,2	--	--
2	Độ ẩm	%	63,9	--	--
3	Tốc độ gió	m/s	0,5	--	--
4	Độ ồn	dBA	68	6 giờ - 21 giờ: 70	--
5	Bụi	mg/m³	0,22	--	0,3
6	SO₂	mg/m³	0,052	--	0,35
7	NO₂	mg/m³	0,028	--	0,2
8	CO	mg/m³	1,65	--	30

(Nguồn: Báo cáo quan trắc môi trường, năm 2023)

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc không khí tại khu vực sản xuất

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
1	Nhiệt độ	°C	30,2	--	20 – 34	18-32	--
2	Độ ẩm	%	63,9	--	40 – 80		
3	Tốc độ gió	m/s	0,5	--	0,1 – 1,5	0,2-1,5	--
4	Tiếng ồn	dBA	82	≤ 85	--		--
5	Tổng bụi lơ lửng	mg/m³	0,89	--	--	8	--
6	SO₂	mg/m³	0,072	--	--	--	10
7	NO₂	mg/m³	0,055	--	--	--	10

*Báo cáo để xuất cấp giấy phép môi trường*

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
8	CO	mg/m <sup>3</sup>	3,06	--	--	--	40

*(Nguồn: Báo cáo quan trắc môi trường, năm 2023)*

Nhận xét: Theo kết quả quan trắc không khí xung quanh năm 2023 cho thấy, các thông số quan trắc không khí tại khu vực công ra vào đều đạt QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 05:2013/BTNMT và không khí tại khu vực sản xuất đạt quy chuẩn QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT, QCVN 24:2016/BYT và QCVN 26:2016/BYT.

## Chương VI

### KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

#### 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

##### 1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 6.1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm

TT	Tên hạng mục	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất tại thời điểm vận hành thử nghiệm	Công suất dự kiến đạt được khi kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm
1	01 Hệ thống xử lý khí thải	Kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực	3 tháng	50% công suất so với công suất hoạt động chính thức.	100% công suất hoạt động chính thức.

##### 1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Giai đoạn vận hành thử nghiệm của cơ sở được thực hiện 3 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực, chủ cơ sở cam kết chỉ vận hành thử nghiệm sau khi các công trình xử lý chất thải đạt yêu cầu đưa vào vận hành thử nghiệm.

Kế hoạch quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và trong giai đoạn kết thúc vận hành như sau:

Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

St t	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Số mă u	Loại i mă u	Quy chuẩn so sánh
I	<b>Giai đoạn vận hành ổn định: 3 ngày liên tiếp</b>					
1.	Hệ thống xử lý khí	Bụi, SO <sub>2</sub> , NO <sub>x</sub> , CO, Lưu	Sau khi kết thúc vận hành thì tiến hành lấy	1	Mẫu đơn	QCVN

St t	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Số mă u	Loại i mă u	Quy chuẩn so sánh
	thải hơi	lò lượng, Nhiệt độ, Áp suất	3 mẫu đầu ra trong 3 ngày liên tiếp			19:2009/BTN MT, cột B, K <sub>p</sub> = 1,0, K <sub>v</sub> = 0,8

### 1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.

Danh sách các tổ chức đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mà chủ cơ sở dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch bao gồm:

- Công ty TNHH Đầu tư và Môi trường Việt Nam  
Địa chỉ: 33A/4 đường 12, Phường Hiệp Bình Phước, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM.  
Trụ sở: 54E đường số 18, Phường Hiệp Bình Chánh, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM.  
Điện thoại: (028) 66505455  
Chứng nhận Vimcerts 308.
- Công ty CP DV TV Môi trường Hải Âu  
Địa chỉ: 40/7 Đông Hưng Thuận 14B, KP.1, P.Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP.HCM.  
Điện thoại: (028) 3816 4421.  
Chứng nhận Vimcerts 117.

## 2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục, và định kỳ) theo quy định của pháp luật

### 2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

#### ❖ Quan trắc nước thải:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

#### ❖ Quan trắc khí thải:

Căn cứ theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường. Chủ cơ sở đề xuất chương trình quan trắc môi trường định kỳ như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

*Bảng 6.3. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ*

Hạng mục	Chất ô nhiễm	Giá trị giới hạn	Quy chuẩn áp dụng	Tần suất quan trắc định kỳ
Lưu lượng	-	-	-	-
Nhiệt độ	-	-	-	-
Áp suất	-	-	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp=1,0, Kv=0,8	6 tháng/lần (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
Bụi	160	-	-	-
NO <sub>x</sub>	680	-	-	-
CO	800	-	-	-
SO <sub>2</sub>	400	-	-	-
Chất thải	Giám sát khối lượng, thu gom, phân loại, lưu trữ, tần suất thu gom và hợp đồng xử lý các loại CTR phát sinh	-	Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT	Khối lượng, hợp đồng thu gom và chứng từ thu gom của Đơn vị có chức năng thu gom

## 2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

- Dự án không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc tự động liên tục.

## 2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở:

- Không có

## 3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Việc thực hiện quan trắc môi trường là một trong những chức năng quan trọng của công tác quản lý chất lượng môi trường và cũng là một trong những phần rất quan trọng trong công tác kiểm soát chất lượng môi trường. Để đảm bảo các hoạt động của cơ sở không gây ô nhiễm môi trường và đánh giá hiệu quả của các biện pháp khống chế ô nhiễm, chương trình giám sát chất lượng môi trường sẽ được áp dụng trong suốt thời gian hoạt động của cơ sở như sau:

Bảng 6.4. Tóm tắt kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Số thứ tự	Nội dung	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Kế hoạch thực hiện
1	Giám sát bụi, khí thải	02	6.000.000	6 tháng/lần
2	Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm	01	5.000.000	1 năm/lần
	<b>Tổng</b>	-	<b>11.000.000</b>	-

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Liên Việt)

**Chương VII**  
**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI  
TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Trong năm 2023 và năm 2024, cơ sở không có đoàn kiểm tra, thanh tra về môi trường.

## Chương VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Liên Việt xin cam kết:

Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

Nghiêm túc thực hiện các biện pháp khống chế nguồn ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng phương án kỹ thuật đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này.

Đảm bảo kinh phí đầu tư các công trình xử lý môi trường cũng như kinh phí thực hiện chương trình giám sát môi trường.

Đảm bảo các nguồn phát sinh chất thải do hoạt động của cơ sở nằm trong giới hạn cho phép của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Nước thải: Nước thải sản xuất phát sinh được thu gom không xả thải ra môi trường.

Về chất thải rắn: Được quản lý theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Về bụi và khí thải: Bụi và khí thải phát sinh được thu gom và xử lý QCVN 19:2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B, Kp=1,0, Kv=0,8) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đã được phê duyệt.

Có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Công khai thông tin, lưu giữ, cập nhật số liệu môi trường và báo cáo về việc thực hiện nội dung của Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được phê duyệt của cơ sở.

Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ và nộp Báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ theo quy định.

Cam kết thực hiện đầy đủ các giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường và bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường theo đúng quy định hiện hành trong trường hợp các hệ thống xử lý môi trường của cơ sở hư hỏng gây ô nhiễm môi trường.

Trong quá trình hoạt động có yếu tố môi trường nào phát sinh chúng tôi sẽ trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương và các cơ quan có chuyên môn để xử lý ngay nguồn ô nhiễm này.

*Báo cáo để xuất cấp giấy phép môi trường*

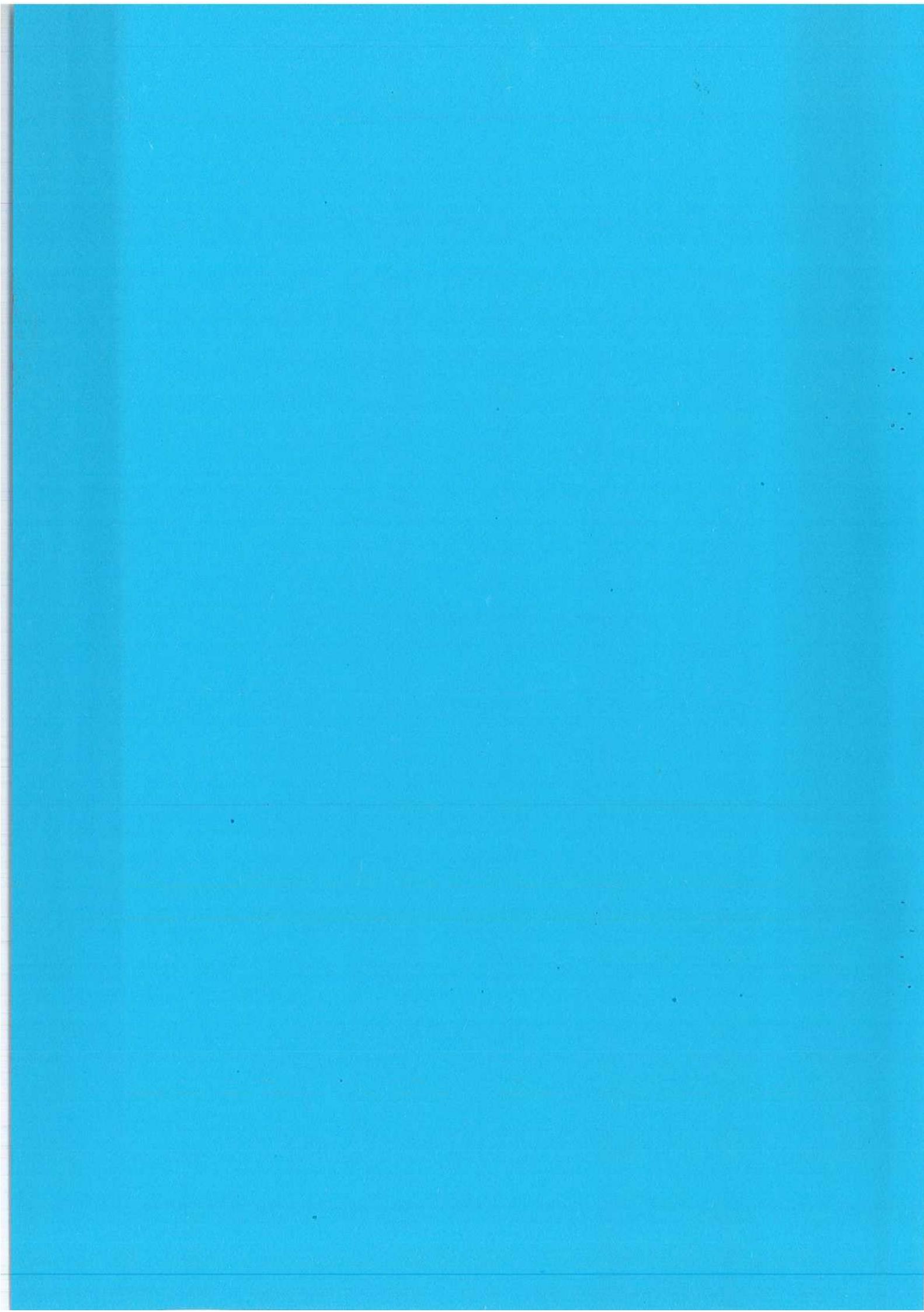
---

Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam, các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên ./.

## PHỤ LỤC BÁO CÁO

## PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H-02982/ĐS cấp ngày 13/11/2014 do Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long chứng nhận cho Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Liên Việt làm chủ sở hữu.
3. Hợp đồng nguyên tắc thuê mặt bằng nhà xưởng số 08/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/08/2024 giữa Ông Lê Quốc Việt và Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Liên Việt (*thuê mặt bằng nhà xưởng theo Giấy CNQSĐĐ số BS 266010 do UBND thị xã Phước Long cấp cho ông Lê Quốc Việt ngày 13/11/2014*).
4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H-02292/CN cấp ngày 13/11/2013 do Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long chứng nhận cho Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Liên Việt làm chủ sở hữu.
5. Hợp đồng nguyên tắc thuê mặt bằng nhà xưởng số 08/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/08/2024 giữa Ông Lê Quốc Việt và Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Liên Việt (*thuê mặt bằng nhà xưởng theo Giấy CNQSĐĐ số BM 996432 do UBND thị xã Phước Long cấp cho ông Lê Quốc Việt ngày 13/11/2014*).
6. Giấy xác nhận Bản cam kết bảo vệ môi trường số 30/GXN-UBND Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long cấp.
7. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 135/TD-PCCC của Phòng Cảnh sát PCCC và Cứu nạn Cứu hộ chứng nhận ngày 18/5/2020.
8. Hợp đồng thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường.
9. Hợp đồng thu gom chất thải nguy hại.
10. Hóa đơn sử dụng điện 2024.
11. Kết quả quan trắc môi trường năm 2023.
12. Bản vẽ mặt bằng tổng thể.
13. Bản vẽ mặt bằng thoát nước mưa.
14. Bản vẽ hệ thống xử lý bụi, khí thải.



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**  
**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3801066625

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 12 năm 2013

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 08 tháng 11 năm 2019

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LIÊN VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LIEN VIET TRADING SERVICE ONE MEMBER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LIEN VIET TRADING SERVICE ONE MEMBER CO.,LTD

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Tổ 8, khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0987 972167

Fax:

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ** 35.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Họ và tên: LÊ QUỐC VIỆT

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 04/09/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 285342628

Ngày cấp: 25/06/2018 Nơi cấp: Công an Bình Phước

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 8, khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 8, khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: LÊ QUỐC VIỆT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/09/1968 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 285342628

Ngày cấp: 25/06/2018 Nơi cấp: Công an Bình Phước

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 8, khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã  
Phú Quốc, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 8, khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phú Quốc, Tỉnh Bình  
Phước, Việt Nam

**TRƯỞNG PHÒNG**



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
Nguyễn Duy Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

Ông Lê Quốc Việt

Sinh năm 1968 Số giấy CMND 285342628

Bà Nguyễn Thị Liên

Sinh năm 1980 Số giấy CMND 285152712

Địa chỉ thường trú: Khu phố 9, phường Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước

BS 266010

## II. Thửa đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất:

### 1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 169; Tờ bản đồ số: 18,
- b) Địa chỉ thửa đất: Khu phố 9, phường Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước
- c) Diện tích: 3358.6 m<sup>2</sup>, (bằng chữ: ba nghìn ba trăm năm mươi tám phẩy sáu mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Riêng 3358.6 m<sup>2</sup>, chung không m<sup>2</sup>
- đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 100m<sup>2</sup>; Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh 600m<sup>2</sup>;  
Đất trồng cây lâu năm 2658.6m<sup>2</sup>
- e) Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị; Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh lâu dài;  
Đất trồng cây lâu năm đến hết tháng 05/2051
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất

### 2. Nhà ở:

- a) Loại nhà ở: F
- b) Diện tích xây dựng: 100m<sup>2</sup>, c) Diện tích sàn: 206m<sup>2</sup>,
- d) Hình thức sở hữu: riêng
- đ) Cấp (Hạng): Cấp 4, e) Thời hạn sở hữu: -/-;

### 3. Công trình xây dựng khác:

Loại công trình: Nhà xưởng loại 1

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn (m <sup>2</sup> )	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà kho	600	600	riêng	-/-	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

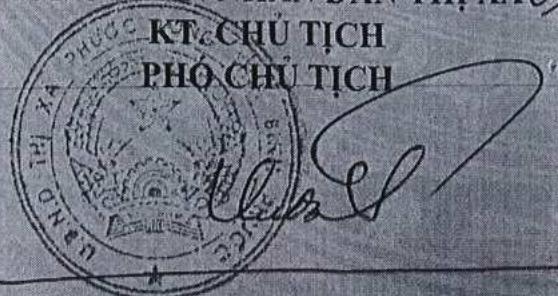
5. Cây lâu năm: -/-;

6. Ghi chú:

Phước Long, ngày 13. tháng 11. năm 2014

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

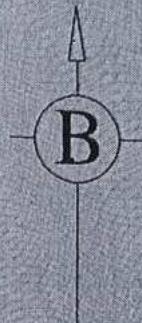
KT CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



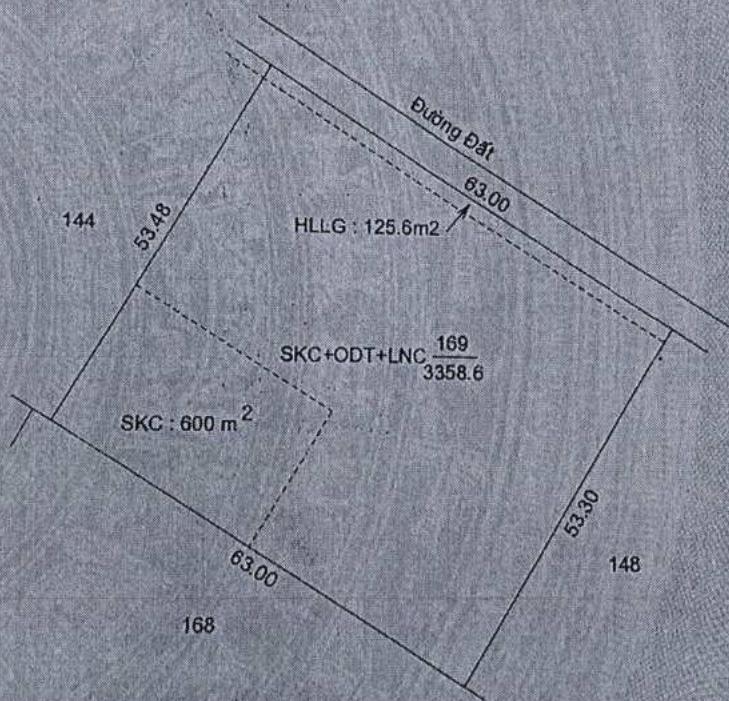
Hoàng Xuân Lương

Số vào sổ cấp GCN: H-Q2982/05

### III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



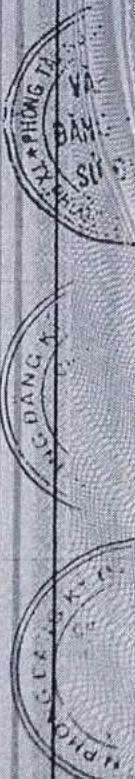
Tỷ Lệ 1/1000



#### IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền



M/02/2015 Kèm theo GCN có trang bổ sung số 01

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ  
sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư  
hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

**TRANG BỘ SUNG GIÁY CHỨNG NHẬN**

**Thửa đất số:** 169

**Tờ bản đồ số:** 18

**Số phát hành GCN:** Bs 266010

**Số vào sổ cấp GCN:** H 02982/đs

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
29/02/2016	- Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 11/02/2015. Theo hồ sơ số 1311.	 Vũ Minh Sơn GIÁM ĐỐC
29/02/2016	- Thế chấp bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho Cty TNHH MTV TMDV LIÊN VIỆT, ĐKKD số: 3801066625. Đ/c: KP 9, P. Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước. Người đại diện là ông(bà): Lê Quốc Việt, với Ngân Hàng TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN – CN BÌNH PHƯỚC – PGD PHƯỚC LONG. Đ/C KP 5, P. Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 1312 ngày 29/02/2016.	 Vũ Minh Sơn GIÁM ĐỐC
10/01/2019	- Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 29/02/2016. Theo hồ sơ số 213.	 Vũ Minh Sơn GIÁM ĐỐC
10/01/2019	- Thế chấp bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại Ngân Hàng TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN – CN BÌNH PHƯỚC – PGD PHƯỚC LONG. Đ/C KP 5, P. Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 214 ngày 10/01/2019.	 Vũ Minh Sơn GIÁM ĐỐC

Trang bô sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

## TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 169  
 Số phát hành GCN: BS 266010

Tờ bản đồ số: 18  
 Số vào sổ cấp GCN: H 02982/ĐS

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
27/11/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 10/01/2019 Theo hồ sơ số 8507.</li> </ul>	 
27/11/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thế chấp bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại Ngân Hàng TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM – CN BÌNH PHƯỚC. Đ/c số 29, đường Phú Riềng, P. Tân Bình, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 8508 ngày 27/11/2019</li> </ul>	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG THUÊ  
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT  
VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Số công chứng:

5468

quyền số 08/2024 TP/CC-SCC/HĐGD

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HỢP

Địa chỉ: Khu phố 05, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

ĐT: 02713.778.778 ; Hotline: 0969676868 – 0945.948.363;

Email: congchungtranphung@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT  
VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Chúng tôi ký tên dưới đây, gồm có:

Bên cho thuê (Sau đây gọi là Bên A):

Ông : Lê Quốc Việt Sinh năm: 1968  
CCCD số : 042068000649 do Cục cảnh sát quản lý hành chính  
về trật tự xã hội cấp ngày 31/3/2021 (CMND số 285342628)  
Nơi thường trú : Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long,  
tỉnh Bình Phước.

Vợ là bà : Nguyễn Thị Liên Sinh năm: 1980  
CCCD số : 045180000381 do Cục cảnh sát quản lý hành chính  
về trật tự xã hội cấp ngày 24/01/2024 (CMND số 285152712)  
Nơi thường trú : Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long,  
tỉnh Bình Phước.

Bên thuê (Sau đây gọi là Bên B):

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
LIÊN VIỆT

(Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm  
hữu hạn một thành viên)

Mã số doanh nghiệp: 3801066625 do Phòng Đăng Ký Kinh Doanh - Sở Kế  
Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 30/12/2013, đăng  
ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/10/2023.

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 8, khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước  
Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Điện thoại: 0987972167

Thông tin về chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật của công ty:

Ông : Lê Quốc Việt Sinh năm: 1968  
CCCD số : 042068000649 do Cục cảnh sát quản lý hành chính  
về trật tự xã hội cấp ngày 31/3/2021

Nơi thường trú : Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long,  
tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Địa chỉ liên lạc : Tổ 8, khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước  
Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà : Trần Hoàng Yến Sinh năm: 2001

CCCD số : 077179002561 do Cục cảnh sát quản lý hành chính  
về trật tự xã hội cấp ngày 29/4/2021



*Quyết định*

Nơi thường trú : Khu phố 5, phường Long Thủy, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

(Theo Giấy ủy quyền do ông Lê Quốc Việt ký ngày 14/8/2024)

Bằng hợp đồng này, bên A đồng ý cho thuê và bên B đồng ý thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo những thỏa thuận sau đây:

## ĐIỀU 1

### ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

#### 1. Tài sản cho thuê:

Là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BS 266010, số vào sổ cấp GCN: H 02982/ĐS do Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước cấp ngày 13/11/2014 và được liệt kê dưới đây cụ thể như sau:

\*Thửa đất:

- Thửa đất số: 169

Tờ bản đồ số: 18

tỉnh Bình Phước

- Diện tích: 3358,6 m<sup>2</sup> (Bằng chữ: Ba nghìn ba trăm năm mươi tám phẩy sáu mét vuông)

- Hình thức sử dụng: riêng 3358,6 m<sup>2</sup>

Chung: không m<sup>2</sup>

- Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100 m<sup>2</sup>; Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh: 600 m<sup>2</sup>; Đất trồng cây lâu năm: 2658,6 m<sup>2</sup>

- Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị, Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh lâu dài; Đất trồng cây lâu năm đến hết tháng 05/2051

- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất

\*Nhà ở:

- Loại nhà ở: F

- Diện tích xây dựng: 100 m<sup>2</sup>

Diện tích sàn: 206 m<sup>2</sup>

- Hình thức sở hữu: riêng

- Cấp (hạng): Cấp 4

\*Công trình xây dựng khác:

Thời hạn sở hữu: -/-

- Loại công trình: Nhà xưởng loại 1

- Hạng mục công trình: Nhà kho

- Diện tích xây dựng: 600 m<sup>2</sup>

- Diện tích sàn: 600 m<sup>2</sup>

- Hình thức sở hữu: riêng

- Cấp công trình: -/-

(Thửa đất và tài sản gắn liền với đất cho thuê nêu trên hiện đang được thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước căn cứ Hợp đồng thế chấp số BPC201912762526/HDTG ký kết ngày 27/7/2019 giữa ông Lê Quốc Việt và bà Nguyễn Thị Liên với Ngân hàng

Quang Gia Thi

Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước. Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước đã có văn bản đồng ý số 922/2024/TB-BPC ngày 15/8/2024 về việc đồng ý cho chủ sử dụng đất là ông Lê Quốc Việt và bà Nguyễn Thị Liên được cho người khác thuê tài sản này).

**2. Diện tích cho thuê:** Bên A đồng ý cho bên B thuê toàn bộ diện tích của thửa đất, nhà ở và công trình xây dựng khác nêu trên.

## ĐIỀU 2 THỜI HẠN CHO THUÊ

Thời hạn cho thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 của hợp đồng này là: 10 (mười) năm hoặc Hợp đồng chấm dứt theo quy định của pháp luật.

## ĐIỀU 3 MỤC ĐÍCH THUÊ

Mục đích thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 của hợp đồng này căn cứ dự án kinh doanh của bên B được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất bên B thực hiện theo quy định của pháp luật.

## ĐIỀU 4 GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

### 1. Giá thuê:

Hai bên thống nhất giá thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 của hợp đồng này là: 10.000.000 VNĐ/01 tháng (mười triệu đồng Việt Nam/một tháng).

### 2. Phương thức thanh toán:

- Trả tiền 01 tháng/01 lần (một tháng/một lần) vào ngày mùng 01 (một) của tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng.
- Phương thức thanh toán tiền thuê do hai bên tự thỏa thuận
- Việc giao và nhận số tiền nêu trong hợp đồng này do hai bên tự thực hiện, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và ngoài sự chứng kiến của Công chứng viên.

## ĐIỀU 5 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

### 1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 của hợp đồng này cho bên B vào thời điểm hai bên đã ký hợp đồng.
- Kiểm tra, nhắc nhở bên B bảo vệ, giữ gìn, sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đúng mục đích.
- Nộp thuế sử dụng đất (nếu có).
- Trong trường hợp Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng của thửa đất và

tài sản gắn liền với đất nêu trên thì bên A có nghĩa vụ thương thảo với bên B để chấm dứt hợp đồng thuê này theo đúng quy định. Đồng thời tự giải quyết tất cả các quyền và nghĩa vụ giữa hai bên liên quan đến hợp đồng này để đảm bảo việc Ngân hàng xử lý tài sản để thu hồi nợ theo đúng quy định.

## 2. Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên B trả tiền thuê hàng tháng;
- Yêu cầu bên B trả lại đất và tài sản gắn liền với đất khi thời hạn cho thuê đã hết.

## ĐIỀU 6

### NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

#### 1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- Sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê.
- Khi cần sửa chữa, cải tạo theo yêu cầu sử dụng riêng phải được sự đồng ý của Bên A. Việc sửa chữa, cải tạo phải tuân theo quy định về xây dựng.
- Không được hủy hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.
- Thanh toán đúng, đủ tiền thuê theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận tại Điều 3 và Điều 4 của Hợp đồng này.
- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường, không được làm tổn hại đến quyền lợi, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh.
- Thanh toán tiền điện, tiền nước, tiền thuế và các chi phí khác do Bên B làm phát sinh trong thời hạn thuê.
- Khi hết thời hạn thuê bên B phải trả lại nguyên hiện trạng đất và tài sản gắn liền với đất như ban đầu cho bên A.
- Trong trường hợp Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam chi nhánh Bình Phước xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng của thừa đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên thì bên B có nghĩa vụ thương thảo với bên A để chấm dứt hợp đồng thuê này theo đúng quy định. Đồng thời tự giải quyết tất cả các quyền và nghĩa vụ giữa hai bên liên quan đến hợp đồng này để đảm bảo việc Ngân hàng xử lý tài sản để thu hồi nợ theo đúng quy định.

#### 2. Bên B có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên A giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đúng như đã thỏa thuận.
- Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

## ĐIỀU 7

### VIỆC ĐĂNG KÝ THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT VÀ NỘP PHÍ, GIÁ DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CÔNG CHỨNG

1. Việc đăng ký thuê quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do Bên B chịu trách nhiệm thực hiện.

2. Phí và giá dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng này do Bên B chịu trách nhiệm nộp.

## ĐIỀU 8

### PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này trong trường hợp bất khả kháng một trong hai bên phải chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau.

Trong trường hợp không giải quyết được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

## ĐIỀU 9

### CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

#### 1. Bên A cam đoan

1.1. Những thông tin về nhân thân, về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

1.2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc trường hợp được cho thuê theo quy định của pháp luật;

1.3. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:

a) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất không có tranh chấp;

b) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất không thuộc trường hợp bị kê biên để bảo đảm thi hành án, không bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời;

1.4. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

1.5. Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

1.6 Bên A cam đoan đã thông báo cho bên B biết về việc quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho thuê đang được thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước. Đồng thời đã thông báo cho bên B biết trong trường hợp bên A không đảm bảo được nghĩa vụ với Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản trên để đảm bảo việc thu hồi nợ.

1.7 Bên A cam đoan trong thời gian cho thuê không tự ý thay đổi hiện trạng tài sản khi chưa có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước.

#### 2. Bên B cam đoan

2.1. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật, không thuộc trường hợp bị pháp luật cấm giao dịch thuê đất và tài sản gắn liền với đất;

2.2. Đã xem xét kỹ, biết rõ về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất.

2.3. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

2.4. Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

2.5 Bên B cam đoan đã nhận được thông báo của bên A về việc quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuê đang được thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước. Đồng thời đã hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ của mình trong trường hợp bên A không đảm bảo nghĩa vụ với Ngân hàng.

2.6 Bên B cam đoan trong thời gian thuê không tự ý thay đổi hiện trạng tài sản khi chưa có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước.

## ĐIỀU 10

### ĐIỀU KHOẢN KHÁC

1. Hết thời hạn thuê, nếu Bên B có nhu cầu thuê tiếp thì Bên A và bên B tiếp tục thương lượng gia hạn hoặc ký kết hợp đồng mới. Thời hạn báo trước 01 (một) tháng trước khi hợp đồng hết hạn.

2. Giá thuê do hai bên tự thỏa thuận. Trường hợp, hai bên không thỏa thuận được giá cả thì bên B phải trả lại hiện trạng đất và tài sản gắn liền với đất như ban đầu cho bên A. Các khoản chi phí điện sản xuất, nước hoặc các dịch vụ khác nếu có do bên B tự chi trả.

## ĐIỀU 11

### ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Hai bên đã tự đọc lại hợp đồng và được Công chứng viên giải thích quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng này; Đã đồng ý ký tên và điểm chỉ vào hợp đồng thuê này trước sự chứng kiến của Công chứng viên.

#### BÊN CHO THUÊ

*Nguyễn Văn*

*Ch*

*Nguyễn Thị*



*Phan Hoàng Linh*

## LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 16 tháng 8 năm 2024 (Ngày mười sáu, tháng tám, năm hai ngàn không trăm hai mươi bốn)

Tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hợp; Địa chỉ: Khu phố 5, phường Long Phước, thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước

Tôi **Phạm Trung Dũng**, Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật

### CHỨNG NHẬN:

Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được giao kết giữa:

#### Bên cho thuê (Sau đây gọi là Bên A):

Ông : Lê Quốc Việt Sinh năm: 1968

CCCD số : 042068000649 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 31/3/2021 (CMND số 285342628)

Nơi thường trú : Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Vợ là bà : Nguyễn Thị Liên Sinh năm: 1980

CCCD số : 045180000381 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/01/2024 (CMND số 285152712)

Nơi thường trú : Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

#### Bên thuê (Sau đây gọi là Bên B):

### CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LIÊN VIỆT

(Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên)

Mã số doanh nghiệp: 3801066625 do Phòng Đăng Ký Kinh Doanh - Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 30/12/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/10/2023.

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 8, khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Điện thoại: 0987972167

Thông tin về chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật của công ty:

Ông : Lê Quốc Việt Sinh năm: 1968

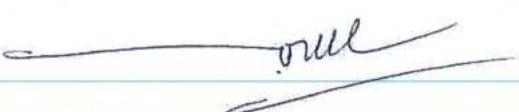
CCCD số : 042068000649 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 31/3/2021

Nơi thường trú : Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Địa chỉ liên lạc : Tổ 8, khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà : Trần Hoàng Yến Sinh năm: 1979



CCCD số : 077179002561 do Cục cảnh sát quản lý hành chính  
về trật tự xã hội cấp ngày 29/4/2021

Nơi thường trú : Khu phố 5, phường Long Thủy, thị xã Phước Long,  
tỉnh Bình Phước.

(Theo Giấy ủy quyền do ông Lê Quốc Việt ký ngày 14/8/2024)

- Các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng này;
- Tại thời điểm ký và điểm chỉ vào hợp đồng này, các bên giao kết có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;
- Các bên giao kết cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ đã cung cấp liên quan đến việc giao kết hợp đồng này;
- Mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Các bên giao kết đã tự đọc lại, đồng ý toàn bộ nội dung và ký vào từng trang của hợp đồng này trước mặt tôi; chữ ký và dấu điểm chỉ trong hợp đồng đúng là chữ ký và dấu điểm chỉ của bên thuê, chữ ký và mẫu dấu trong hợp đồng này đúng là chữ ký và mẫu dấu của bên cho thuê;
- Văn bản công chứng này được lập thành 03 (ba) bản chính, mỗi bản chính gồm 08 tờ, 08 trang, có giá trị pháp lý như nhau; người yêu cầu công chứng giữ 02 (hai) bản chính, 01 (một) bản chính lưu tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hợp, tỉnh Bình Phước.

Số công chứng: ..... , quyền số 08/2024 TP/CC-SCC/HĐGD.

**CÔNG CHỨNG VIÊN**



Phạm Xuân Dũng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



# GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông Lê Quốc Việt

Sinh năm 1968, Số giấy CMND 285342628

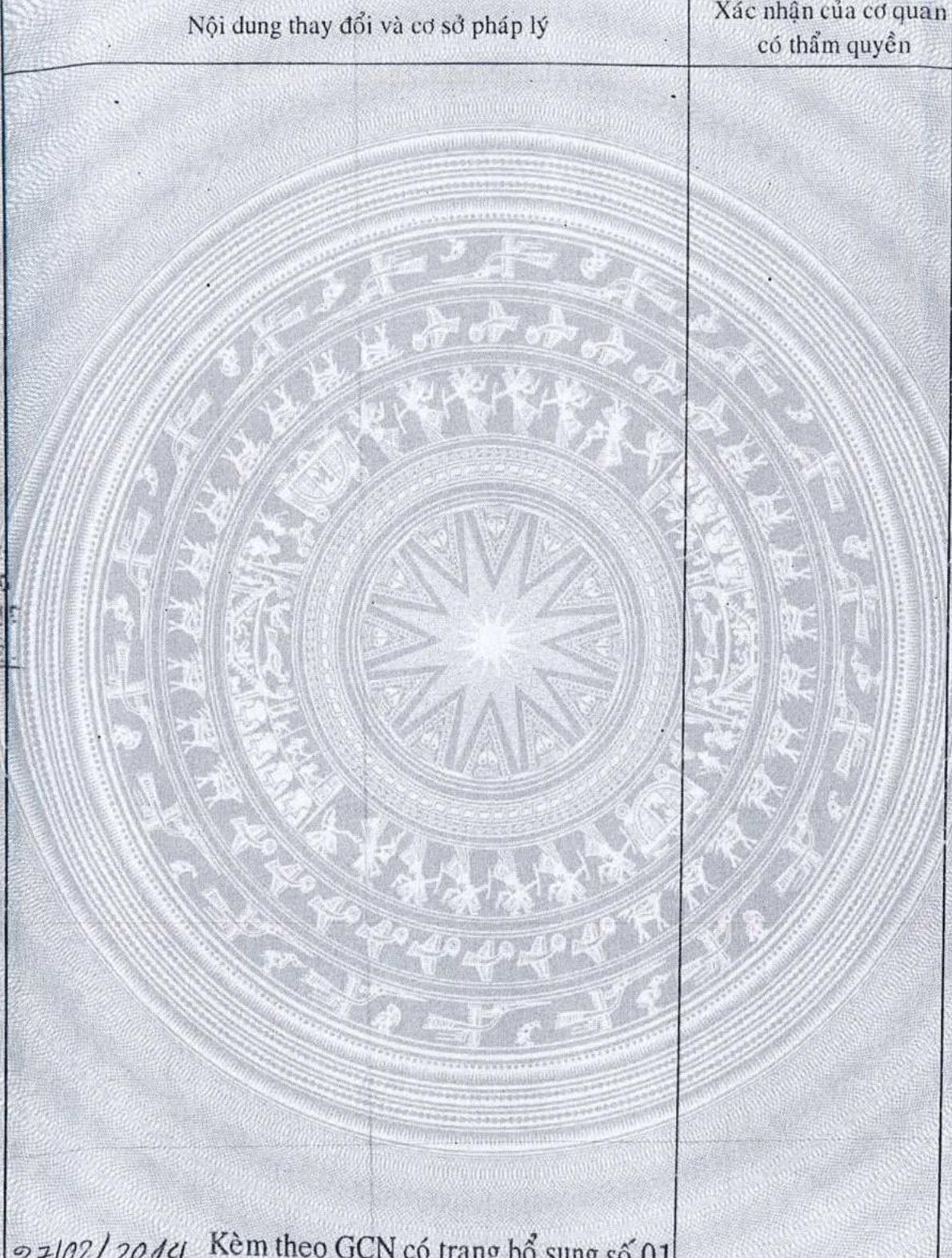
Bà Nguyễn Thị Liên

Sinh năm 1980, Số giấy CMND 285152712

Địa chỉ thường trú: Khu phố 9, phường Long Phước, TX. Phước Long,  
tỉnh Bình Phước

BM 996432

#### IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
    27/02/2014 Kèm theo GCN có trang bổ sung số 01	

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

**1. Thửa đất:**

- a) Thửa đất số: 303, Tờ bản đồ số: 14
- b) Địa chỉ thửa đất: Khu phố 9, phường Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước
- c) Diện tích: 3038.4m<sup>2</sup>, (bằng chữ: ba nghìn không trăm ba mươi tám phẩy bốn mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: riêng 3038.4m<sup>2</sup>, chung không m<sup>2</sup>
- d) Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 500m<sup>2</sup>; Đất trồng cây lâu năm 2538.4m<sup>2</sup>
- e) Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị lâu dài; Đất trồng cây lâu năm đến hết tháng 12/2048
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất

**2. Nhà ở:**

-/-

**3. Công trình xây dựng khác:**

-/-

**4. Rừng sản xuất là rừng trồng:**

-/-

**5. Cây lâu năm:**

-/-"

**6. Ghi chú:**

Phước Long, ngày 18 tháng 11, năm 2013

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Lương

Số vào sổ cấp GCN: H.02292/CN.

Tỷ Lệ 1/1000



**TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN**

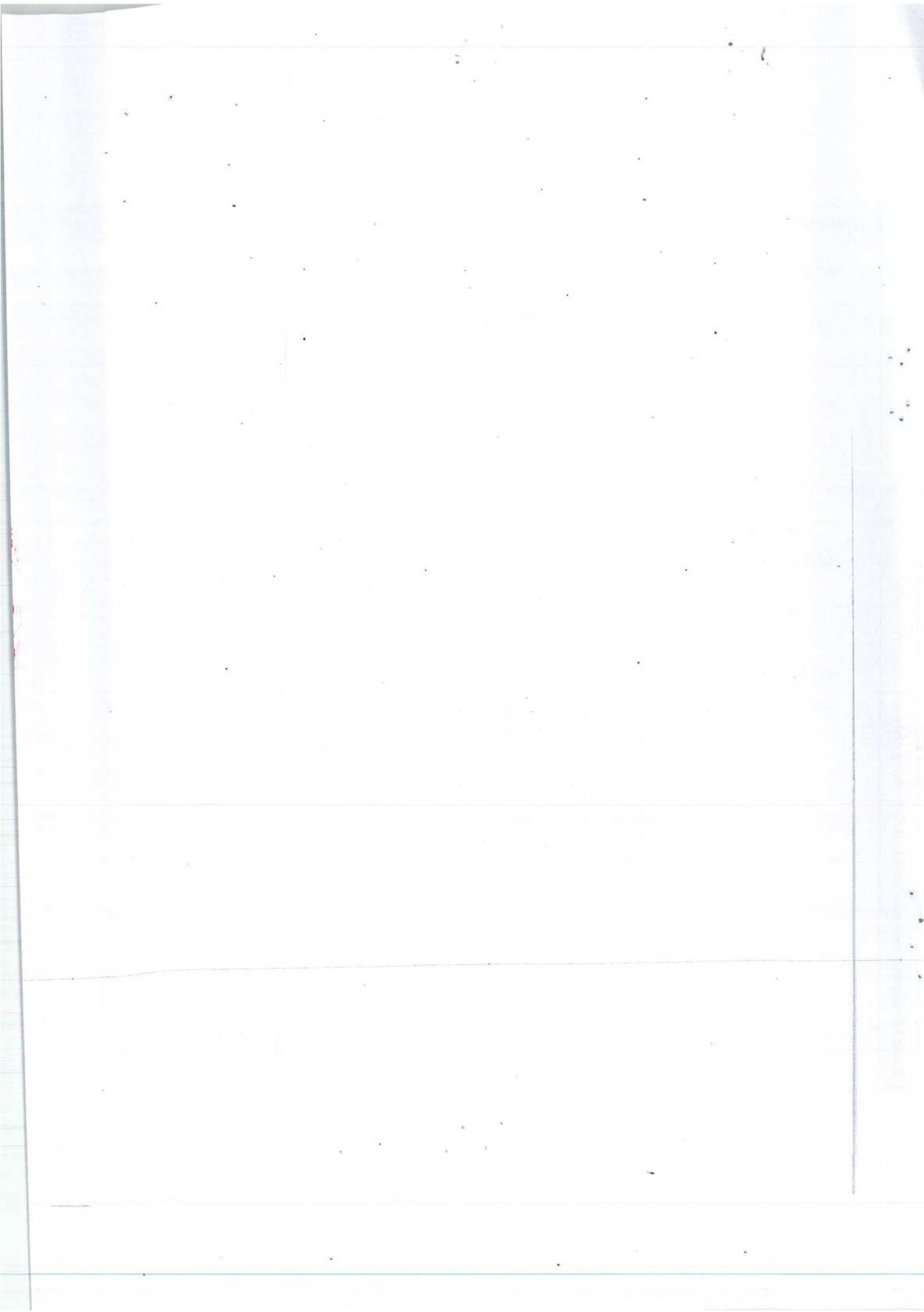
**Thửa đất số: 303**

**Số phát hành GCN: BM 996432**

**Tờ bản đồ số: 14**

**Số vào sổ cấp GCN: H 02292/CN**

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
27/02/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thẻ chấp bằng quyền sử dụng đất cho CTY TNHH MTV TMDV LIÊN VIỆT, ĐKKD số 3801066625. Người đại diện là ông Lê Quốc Việt CMND số 285342628. Đ/c khu phố 9, Phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước với ngân hàng TMCP TMCP Á CHÂU nhánh Bình Phước. PGD Phước Long. Đ/c Phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 0988 ngày 27 tháng 02 năm 2014.</li> </ul>	<p style="text-align: right;">GIÁM ĐỐC <i>Vũ Minh Sơn</i></p> <p style="text-align: right;">PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Vũ Thị Chiều</i></p>
10/10/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xóa nội dung đăng ký thẻ chấp ngày 27/02/2014. Theo hồ sơ số 7693.</li> </ul>	
16/10/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thẻ chấp bằng quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV TMDV LIÊN VIỆT, ĐKKD số: 3801066625. Đ/c: Khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước. Người đại diện là ông(bà): Lê Quốc Việt, CMND số 285342628, với Ngân Hàng TMCP QUÂN ĐỘI CN BÌNH PHƯỚC.. Đ/C Thửa đất 225-226, tờ bản đồ số 45, đường Phú Riềng Đỏ, P. Tân Thiện, TX. Đồng Xoài, tinh Bình Phước. Theo hồ sơ số 7848 ngày 16/10/2018.</li> </ul>	<p style="text-align: right;">GIÁM ĐỐC <i>Vũ Minh Sơn</i></p>



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



## HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số công chứng:

5467

quyền số 08/2024 TP/CC-SCC/HĐGD

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HỢP

Địa chỉ: Khu phố 05, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

ĐT: 02713.778.778 ; Hotline: 0969676868 – 0945.948.363;

Email: conghungtranphung@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Chúng tôi ký tên dưới đây, gồm có:

**Bên cho thuê (Sau đây gọi là Bên A):**

Ông : Lê Quốc Việt Sinh năm: 1968

CCCD số : 042068000649 do Cục cảnh sát quản lý hành chính  
về trật tự xã hội cấp ngày 31/3/2021 (CMND số 285342628)

Nơi thường trú : Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long,  
tỉnh Bình Phước.

Vợ là bà : Nguyễn Thị Liên Sinh năm: 1980

CCCD số : 045180000381 do Cục cảnh sát quản lý hành chính  
về trật tự xã hội cấp ngày 24/01/2024 (CMND số 285152712)

Nơi thường trú : Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long,  
tỉnh Bình Phước.

**Bên thuê (Sau đây gọi là Bên B):**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
LIÊN VIỆT**

(Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm  
hữu hạn một thành viên)

Mã số doanh nghiệp: 3801066625 do Phòng Đăng Ký Kinh Doanh - Sở Kế  
Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 30/12/2013, đăng  
ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/10/2023.

Địa chỉ trụ sở chính: Tô 8, khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước  
Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Điện thoại: 0987972167

Thông tin về chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật của công ty:

Ông : Lê Quốc Việt Sinh năm: 1968

CCCD số : 042068000649 do Cục cảnh sát quản lý hành chính  
về trật tự xã hội cấp ngày 31/3/2021

Nơi thường trú : Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long,  
tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Địa chỉ liên lạc : Tô 8, khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước  
Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền:

: Trần Hoàng Yến Sinh năm: 2001



CCCD số : 077179002561 do Cục cảnh sát quản lý hành chính  
về trật tự xã hội cấp ngày 29/4/2021

*.../.../...*

Nơi thường trú : Khu phố 5, phường Long Thủy, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

(Theo Giấy ủy quyền do ông Lê Quốc Việt ký ngày 14/8/2024)

Bằng hợp đồng này, bên A đồng ý cho thuê và bên B đồng ý thuê quyền sử dụng đất theo những thỏa thuận sau đây:

## ĐIỀU 1 ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

### 1. Tài sản cho thuê:

Là 02 (hai) quyền sử dụng đất của bên A căn cứ theo:

**1.1** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BM 996432, số vào sổ cấp GCN: H 02292/CN do Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước cấp ngày 13/11/2013 và được liệt kê dưới đây cụ thể như sau:

- Thửa đất số: 303

Tờ bản đồ số: 14

- Địa chỉ thửa đất: Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- Diện tích: 3038,4 m<sup>2</sup> (Bằng chữ: Ba nghìn không trăm ba mươi tám phẩy bốn mét vuông)

- Hình thức sử dụng: riêng 3038,4 m<sup>2</sup> Chung không m<sup>2</sup>

- Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 500 m<sup>2</sup>; Đất trồng cây lâu năm: 2538,4 m<sup>2</sup>

- Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: đến hết tháng 12/2048

- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất

**1.2** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BD 933596, số vào sổ cấp GCN: H 00483/Đsô do Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước cấp ngày 24/11/2010 và được liệt kê dưới đây cụ thể như sau:

- Thửa đất số: LP

Tờ bản đồ số: DL

- Địa chỉ thửa đất: Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- Diện tích: 830 m<sup>2</sup> (Bằng chữ: Tám trăm ba mươi mét vuông)

- Hình thức sử dụng: riêng 830 m<sup>2</sup> Chung không m<sup>2</sup>

- Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 200 m<sup>2</sup>; Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh: 630 m<sup>2</sup>

- Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị và đất cơ sở sản xuất, kinh doanh lâu dài

- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Thu tiền SDD 630 m<sup>2</sup> đất SKC.

( Hai thửa đất cho thuê nêu trên hiện đang được thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bình Phước căn cứ Hợp đồng thuê

*Natalie* *Le* *Danh*

chấp quyền sử dụng đất số 35241.18.660.3489962.BĐ ngày 16/10/2018 giữa ông Lê Quốc Việt và bà Nguyễn Thị Liên với Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bình Phước. Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bình Phước đã có văn bản đồng ý ngày 14/8/2024 về việc đồng ý cho chủ sử dụng đất là ông Lê Quốc Việt và bà Nguyễn Thị Liên được cho người khác thuê tài sản này).

**2. Diện tích cho thuê:** Bên A đồng ý cho bên B thuê toàn bộ diện tích của 02 (hai) thửa đất nêu trên.

## **ĐIỀU 2** **THỜI HẠN CHO THUÊ**

Thời hạn cho thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của hợp đồng này là: 10 (mười) năm năm hoặc Hợp đồng chấm dứt theo quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 3** **MỤC ĐÍCH THUÊ**

Mục đích thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của hợp đồng này căn cứ dự án kinh doanh của bên B được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất bên B thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 4** **GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

### **1. Giá thuê:**

Hai bên thống nhất giá thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của hợp đồng này là: 10.000.000 VNĐ/01 tháng (mười triệu đồng Việt Nam/một tháng).

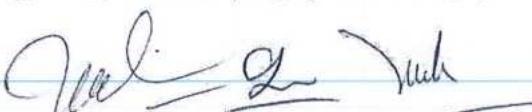
### **2. Phương thức thanh toán:**

- Trả tiền 01 tháng/01 lần (một tháng/một lần) vào ngày mùng 01 (một) của tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng.
- Phương thức thanh toán tiền thuê do hai bên tự thỏa thuận
- Việc giao và nhận số tiền nêu trong hợp đồng này do hai bên tự thực hiện, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và ngoài sự chứng kiến của Công chứng viên.

## **ĐIỀU 5** **NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A**

### **1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:**

- Giao quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của hợp đồng này cho bên B vào thời điểm hai bên đã ký hợp đồng.
- Kiểm tra, nhắc nhở bên B bảo vệ, giữ gìn, sử dụng diện tích đất thuê đúng mục đích.
- Nộp thuế sử dụng đất (nếu có).
- Trong trường hợp Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bình Phước xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng của thửa đất nêu trên thì bên A có nghĩa vụ thương thảo với bên B để chấm dứt hợp đồng thuê này theo đúng quy định. Đồng thời trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được



thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ thì bên A phải tự giải quyết tất cả các quyền và nghĩa vụ giữa hai bên liên quan đến hợp đồng này để bảo đảm việc Ngân hàng xử lý tài sản để thu hồi nợ theo đúng quy định.

## 2. Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên B trả tiền thuê theo đúng như thỏa thuận trong hợp đồng này.
- Yêu cầu bên B trả lại đất thuê khi thời hạn cho thuê đã hết.
- Có quyền tham nom nhằm đảm bảo bên B không làm giảm sút giá trị diện tích đất thuê.

## ĐIỀU 6

### NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

#### 1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- Sử dụng diện tích đất thuê đúng mục đích, đúng thời hạn thuê.
- Khi cần sửa chữa, cải tạo theo yêu cầu sử dụng riêng phải được sự đồng ý của Bên A. Việc sửa chữa, cải tạo phải tuân theo quy định về xây dựng.
- Không được hủy hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng diện tích đất thuê.
- Thanh toán đúng, đủ tiền thuê theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận tại Điều 3 và Điều 4 của Hợp đồng này.
- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường, không được làm tổn hại đến quyền lợi, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh.
- Thanh toán tiền điện, tiền nước, tiền thuê và các chi phí khác do Bên B làm phát sinh trong thời hạn thuê.
- Khi hết thời hạn thuê bên B phải trả lại nguyên hiện trạng đất như ban đầu cho bên A.
- Trong trường hợp Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bình Phước xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng của thửa đất nêu trên thì bên B có nghĩa vụ thương thảo với bên A để chấm dứt hợp đồng thuê này theo đúng quy định. Đồng thời trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ thì bên B phải tự giải quyết tất cả các quyền và nghĩa vụ giữa hai bên liên quan đến hợp đồng này để bảo đảm việc Ngân hàng xử lý tài sản để thu hồi nợ theo đúng quy định.

#### 2. Bên B có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên A giao diện tích đất thuê đúng như đã thỏa thuận. *Null*
- Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng diện tích đất thuê. *✓*

## ĐIỀU 7

### VIỆC ĐĂNG KÝ THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ NỘP PHÍ, GIÁ DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CÔNG CHỨNG

1. Việc đăng ký thuê quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do Bên B chịu trách nhiệm thực hiện.

*Nguyễn Văn Linh*

2. Phí và giá dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này do Bên B chịu trách nhiệm nộp.

## ĐIỀU 8

### PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này trong trường hợp bất khả kháng một trong hai bên phải chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau.

Trong trường hợp không giải quyết được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

## ĐIỀU 9

### CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

#### 1. Bên A cam đoan

1.1. Những thông tin về nhân thân, về quyền sử dụng đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

1.2. Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

1.3. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:

a) Thửa đất không có tranh chấp;

b) Quyền sử dụng đất không thuộc trường hợp bị kê biên để bảo đảm thi hành án, không bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời;

1.4. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

1.5. Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

1.6 Bên A cam đoan đã thông báo cho bên B biết về việc quyền sử dụng đất cho thuê đang được thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bình Phước. Đồng thời đã thông báo cho bên B biết trong trường hợp bên A không đảm bảo được nghĩa vụ với Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản trên để đảm bảo việc thu hồi nợ.

#### 2. Bên B cam đoan

2.1. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật, không thuộc trường hợp bị pháp luật cấm giao dịch thuê đất;

2.2. Đã xem xét kỹ, biết rõ về quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất.

2.3. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

2.4. Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

2.5 Bên B cam đoan đã nhận được thông báo của bên A về việc quyền sử dụng đất thuê đang được thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bình Phước. Đồng thời đã hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ của mình trong trường hợp bên A không đảm bảo nghĩa vụ với Ngân hàng.

### **ĐIỀU 10**

#### **ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

1. Hết thời hạn thuê, nếu Bên B có nhu cầu thuê tiếp thì Bên A và bên B tiếp tục thương lượng gia hạn hoặc ký kết hợp đồng mới. Thời hạn báo trước 01 (một) tháng trước khi hợp đồng hết hạn.

2. Giá thuê do hai bên tự thỏa thuận. Trường hợp, hai bên không thỏa thuận được giá cả thì bên B phải trả lại hiện trạng đất như ban đầu cho bên A. Các khoản chi phí điện sản xuất, nước hoặc các dịch vụ khác nếu có do bên B tự chi trả.

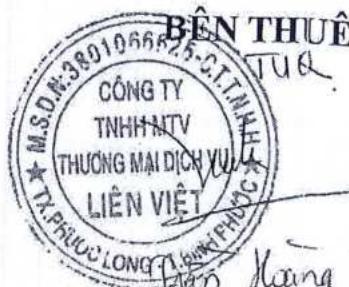
### **ĐIỀU 11**

#### **ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

Hai bên đã tự đọc lại hợp đồng và được Công chứng viên giải thích quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng này; Đã đồng ý ký tên và điểm chỉ vào hợp đồng thuê này trước sự chứng kiến của Công chứng viên.

#### **BÊN CHO THUÊ**

  
Lê Quốc Việt



  
Nguyễn Thị Dịn



## LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 16 tháng 8 năm 2024 (Ngày mười sáu, tháng tám, năm hai ngàn không trăm hai mươi bốn)

Tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hợp; Địa chỉ: Khu phố 5, phường Long Phước, thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước

Tôi Phạm Trung Dũng, Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật

### CHỨNG NHẬN:

Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất được giao kết giữa:

#### Bên cho thuê (Sau đây gọi là Bên A):

Ông : Lê Quốc Việt Sinh năm: 1968  
 CCCD số : 042068000649 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính  
 về trật tự xã hội cấp ngày 31/3/2021 (CMND số 285342628)

Nơi thường trú : Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Vợ là bà : Nguyễn Thị Liên Sinh năm: 1980  
 CCCD số : 045180000381 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính  
 về trật tự xã hội cấp ngày 24/01/2024 (CMND số 285152712)

Nơi thường trú : Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

#### Bên thuê (Sau đây gọi là Bên B):

### CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LIÊN VIỆT

(Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên)

Mã số doanh nghiệp: 3801066625 do Phòng Đăng Ký Kinh Doanh - Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 30/12/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/10/2023.

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 8, khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Điện thoại: 0987972167

Thông tin về chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật của công ty:

Ông : Lê Quốc Việt Sinh năm: 1968  
 CCCD số : 042068000649 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính  
 về trật tự xã hội cấp ngày 31/3/2021

Nơi thường trú : Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Địa chỉ liên lạc : Tổ 8, khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà : Trần Hoàng Yến Sinh năm: 1979

*Trần Hoàng Yến*

CCCD số : 077179002561 do Cục cảnh sát quản lý hành chính  
về trật tự xã hội cấp ngày 29/4/2021

Nơi thường trú : Khu phố 5, phường Long Thủy, thị xã Phước Long,  
tỉnh Bình Phước.

(Theo Giấy ủy quyền do ông Lê Quốc Việt ký ngày 14/8/2024)

- Các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng này;  
- Tại thời điểm ký và điểm chỉ vào hợp đồng này, các bên giao kết có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

- Các bên giao kết cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ đã cung cấp liên quan đến việc giao kết hợp đồng này;

- Mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- Các bên giao kết đã tự đọc lại, đồng ý toàn bộ nội dung và ký vào từng trang của hợp đồng này trước mặt tôi; chữ ký và dấu điểm chỉ trong hợp đồng đúng là chữ ký và dấu điểm chỉ của bên cho thuê, chữ ký và mẫu dấu trong hợp đồng này đúng là chữ ký và mẫu dấu của bên thuê;

- Văn bản công chứng này được lập thành 03 (ba) bản chính, mỗi bản chính gồm 08 tờ, 08 trang, có giá trị pháp lý như nhau; người yêu cầu công chứng giữ 02 (hai) bản chính, 01 (một) bản chính lưu tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hợp, tỉnh Bình Phước.

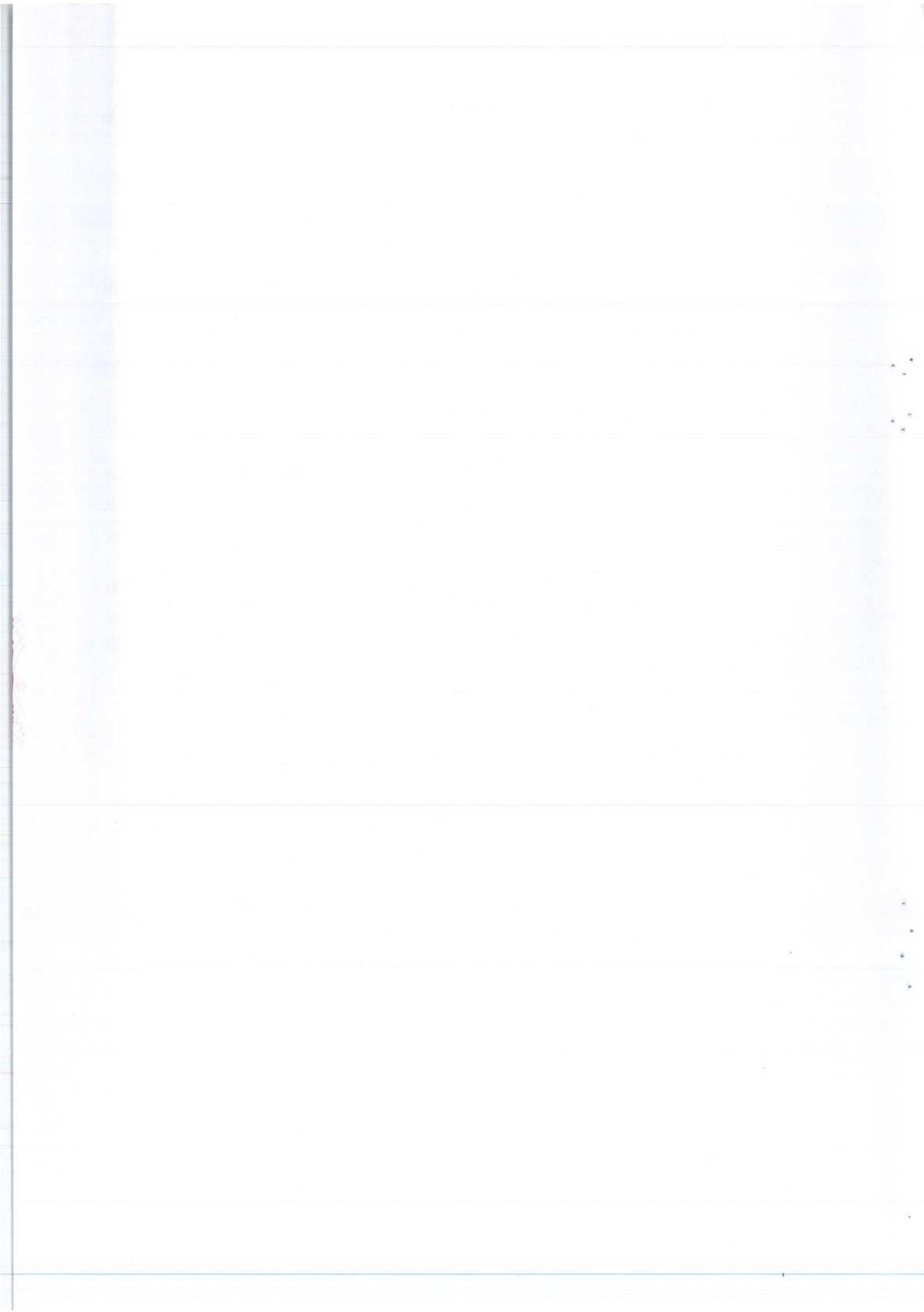
Số công chứng: 5467, quyền số 08/2024 TP/CC-SCC/HĐGD.

### CÔNG CHỨNG VIÊN



Phạm Trung Dũng





ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHƯỚC LONG

\*\*\*

Số: 30 /GXN-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Phước Long, ngày 17 tháng 3 năm 2008

**GIẤY XÁC NHẬN**  
**BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Cơ sở chế biến hạt điều Liên Việt**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG**  
**XÁC NHẬN**

**Điều 1.** Cơ sở chế biến hạt điều Liên Việt đã trình Bản cam kết bảo vệ môi trường ngày 06/03/2008. Tại thôn Phước Tiến - xã Bình Sơn - huyện Phước Long - Bình Phước

**Điều 2.** Cơ sở chế biến hạt điều Liên Việt đã nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Bản cam kết bảo vệ môi trường của Cơ sở chế biến hạt điều Liên Việt là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của cơ sở. Trong quá trình hoạt động, nếu có sự tăng công suất hay thay đổi mặt hàng sản xuất thì cơ sở phải thông báo cho UBND huyện biết trước khi có sự thay đổi.

**Điều 4.** Sau khi thực hiện xong các công trình bảo vệ môi trường, Cơ sở phải báo cáo bằng văn bản gửi UBND huyện Phước Long để kiểm tra. Thời hạn để thực hiện các công trình bảo vệ môi trường tối đa là 06 tháng kể từ ngày ra văn bản.

Nơi nhận:

- CSCBHD Liên Việt
- Phòng TN&MT.
- Lưu VT

TM. UBND HUYỆN  
CHỦ TỊCH



Trương Duy Điều

## NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI CƠ SỞ CHẾ BIẾN HẠT ĐIỀU LIÊN VIỆT

① Cơ sở chế biến hạt điều Liên Việt . Thôn Phước Tiến - xã Bình Sơn - huyện Phước Long phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động.

②. Cơ sở có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây :

- Đầu tư kinh phí cho việc xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường như khí thải, nước thải, bụi, chất thải rắn, tiếng ồn ...

- Nước thải xử lý đạt tiêu chuẩn TCVN 6772: 2000.

- Khí thải xử lý đạt tiêu chuẩn TCVN 5939-2005.

~~Khí thải xử lý đạt tiêu chuẩn TCVN 5949 - 1998 trước khi thải ra môi trường bên ngoài.~~

*- Cơ sở không được dùng vỏ hạt điều, nhựa dẻo làm nhiên liệu đốt lò trong quá trình hoạt động.*

- Trong quá trình hoạt động, cơ sở phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong bản cam kết bảo vệ môi trường đã nêu, nếu có sự cố về môi trường phải thông báo ngay cho UBND huyện biết để xử lý.

③. Thực hiện công tác giám sát môi trường nước, không khí báo cáo phòng Tài nguyên & Môi trường huyện và Sở Tài Nguyên MT Bình Phước theo quy định.

Số.../35./TD-PCCC

TD: 002158

## GIẤY CHỨNG NHẬN

## THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số.....ngày 07 / 5 / 2020 của Công ty TNHH MTV TM DV Liên Việt

Người đại diện là Ông/Bà: Lê Quốc Việt Chức danh: Giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH - CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC

## CHỨNG NHẬN:

Nhà kho chứa nông sản thuộc Công ty TNHH MTV TM DV Liên Việt

Địa điểm xây dựng: Phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH MTV TM DV Liên Việt

Đơn vị lập dự án/thiết kế: CN Bình Phước Công ty TNHH PTCN Thành Công

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Bắc chịu lửa, khoảng cách ngăn cháy, đường lối thoát nạn, giao thông phục vụ chữa cháy, hệ thống chữa cháy vách tường, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn, hệ thống chống sét đánh thẳng, bình chữa cháy các loại/.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư: ;
- BQL KKT: ;
- Lưu: PC07;

Bình Phước, ngày 18 tháng 5 năm 2020

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Nguyễn Văn Vinh

## DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt về Phòng cháy và chữa cháy số 135 /TD-PCCC, ngày 18 tháng 5 năm 2020)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC  
SỐ: 01/2023/TB - LV

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005 của Quốc Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2005 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006. Vào căn cứ vào Quyết định số 45/2005/QH ngày 14/6/2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật dân sự.
- Căn cứ vào Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2005 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ vào nội quy vành huân của các bên tham gia Hợp đồng.

Hôm nay, ngày 01 tháng 04 năm 2023, tại văn phòng **CÔNG TY TNHH SX TM THIÊN BẢO BP** Chúng tôi gồm có:

**BÊN BÁN (BÊN A): CÔNG TY MTV TM DV LIÊN VIỆT**

Địa chỉ : Số 8,, KP9, P.Long Phước, TX.Phúoc Long, Bình Phước.  
Số tài khoản : 6601100406007 Tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - PGD Phúoc Long  
Mã số thuế : 3801066625  
Đại diện : Ông Lê Quốc Việt Chức vụ: Giám đốc

**BÊN MUA (BÊN B): CÔNG TY TNHH SX TM THIÊN BẢO BP**

Địa chỉ : Khu Phố 8, Phường Long Phước, TX.Phúoc Long, Tỉnh Bình Phước.  
Điện thoại : Fax:  
Mã số thuế : 3801226646  
Số TK : 050122321182 Tại Ngân hàng Sacombank PGD Phúoc Long  
Đại diện : bà Vũ Trần Như Quỳnh Chức vụ: Giám đốc

Cùng nhau thỏa thuận, xác lập và thống nhất ký kết Hợp đồng nguyên tắc với các điều kiện và điều khoản sau đây:

**ĐIỀU 1: HÀNG HÓA - SỐ LƯỢNG - ĐƠN GIÁ**

Bên A đồng ý bán và Bên B đồng ý mua hàng hóa sau:

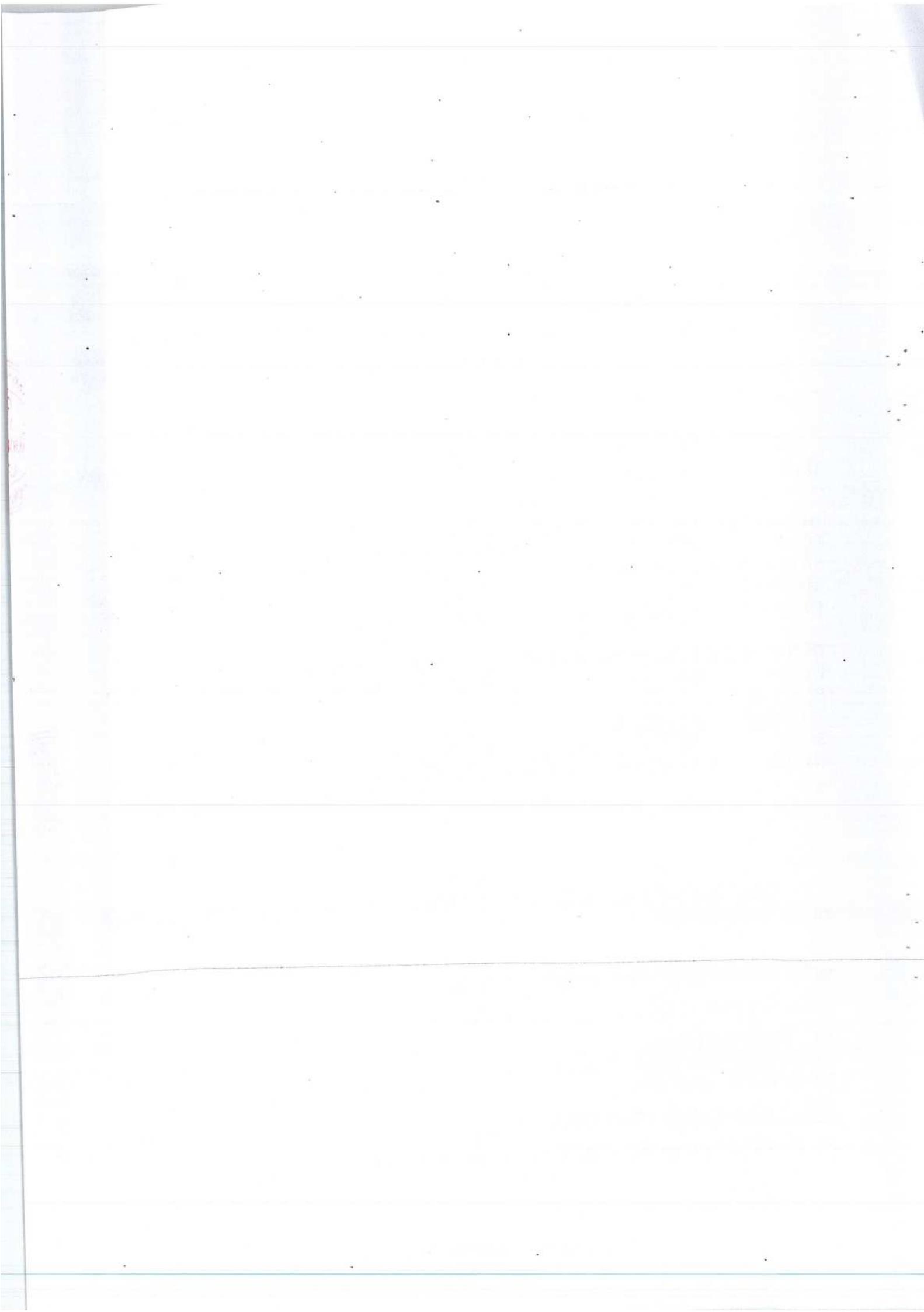
1.1 Hàng hóa: Vô điều

1.2 Số lượng: Theo nhu cầu 2 bên mua - bán.

1.3 Giá cả: Theo thời điểm

**ĐIỀU 3: GIAO NHẬN - VẬN CHUYỂN**

3.1 Địa điểm giao nhận: Bên B nhận hàng tại kho của bên A.



**3.2** Điều kiện giao nhận: Theo thỏa thuận của hai bên thông qua điện thoại, fax hoặc email. Nếu có bất kỳ thay đổi phải thông báo cho Bán/ Mua trong vòng 5- 7 ngày làm việc.

**3.3** Thời gian nhận hàng: Từ tháng 04/2023.

**3.4** Phương thức giao nhận:

Bên B sẽ nhận hàng tại kho của bên A, sau đó dầu sẽ được mang đi cân có chứng kiến của đại diện 2 bên, trường hợp cân tại kho của bên B thì khối lượng sẽ căn cứ vào phiếu cân của bên B.

## **ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC, CHỨNG TỪ THANH TOÁN**

### **4.1** Phương thức thanh toán:

Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng bằng tiền Việt Nam Đồng

### **4.2** Chứng từ thanh toán :

Hóa đơn GTGT

## **ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

### **5.1** Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Giao hàng đúng số lượng, chất lượng, thời gian theo yêu cầu của Bên B.
- Tạo mọi điều kiện cho Bên B được nhận hàng nhanh chóng, thuận lợi.
- Cung cấp đầy đủ chứng từ thanh toán cho Bên B.
- Được quyền yêu cầu Bên B thanh toán đầy đủ, đúng hạn giá trị hàng hóa đã giao nhận.
- Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật và thỏa thuận trong Hợp đồng này.
- Trong trường hợp bên B không thanh toán đúng hạn mà chưa có sự xác nhận gia hạn thêm thời hạn thanh toán của bên A thì bên A có quyền từ chối giao lô hàng tiếp theo.

### **5.2** Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

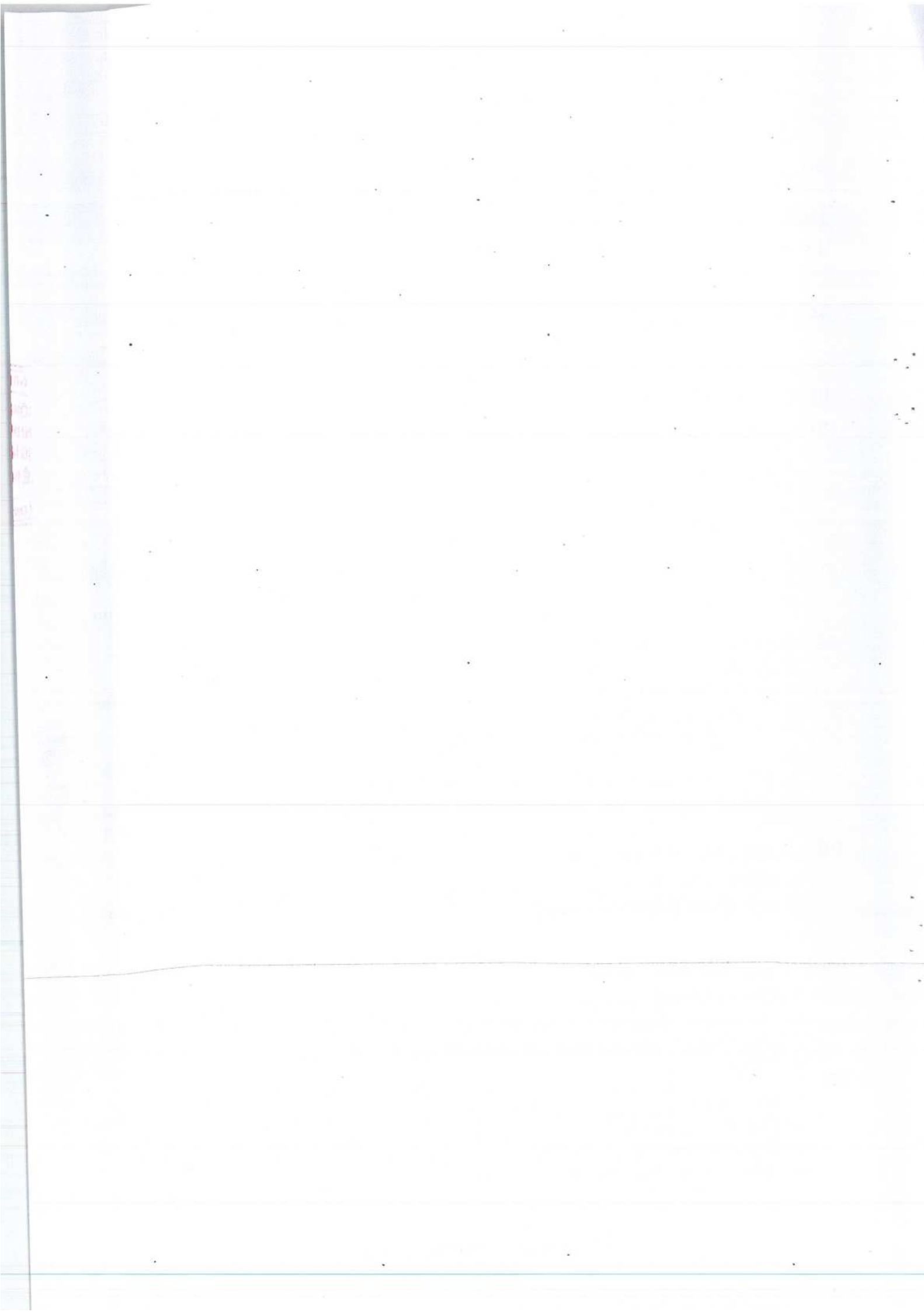
- Thực hiện đúng các yêu cầu về đặt hàng, tiếp nhận, vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa theo thỏa thuận trong Hợp đồng này.
- Thanh toán tiền hàng đầy đủ, đúng hạn cho Bên A theo quy định của Hợp đồng.
- Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật và thỏa thuận trong Hợp đồng này.
- Được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi Bên A vi phạm về chất lượng và điều khoản giao hàng, gây thiệt hại cho Bên B nếu Bên A không có phương án giải quyết thỏa đáng.

## **ĐIỀU 6: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG**

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký, và hết hiệu lực khi hai bên đã hoàn tất mọi trách nhiệm và nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

## **ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- 7.1 Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này, Bên nào vi phạm các điều khoản nêu trên phải chịu trách nhiệm về chất theo quy định của pháp luật trừ trường hợp các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình mà nguyên nhân là bất khả kháng.
- 7.2 Trong quá trình thực hiện hợp đồng trường hợp có tranh chấp xảy ra hoặc Bên mua không thanh toán đúng điem cho Bên bán, hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần bình đẳng, nếu thương thuyết không thành hai bên thống nhất đưa vụ việc ra Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai hoặc một tòa án khác có quyền phán quyết để giải quyết, phán quyết của tòa án là cuối cùng, bắt buộc thực hiện với cả hai bên, chi phí của tòa án do bên có lỗi chịu.



7.3 Các điều khoản và điều kiện khác không nêu trong hợp đồng này được các bên thực hiện theo quy định của Pháp luật. Mọi thay đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được lập thành văn bản là phụ lục hợp đồng. Các bản phụ lục hợp đồng (nếu có) là một bộ phận không thể tách rời và có giá trị pháp lý như hợp đồng này.

Hợp đồng và các văn bản liên quan đến hợp đồng (thanh lý hợp đồng) được ký bản chính (bản gốc), hoặc ký qua fax, email đều có giá trị pháp lý như nhau và ràng buộc đối với hai bên.

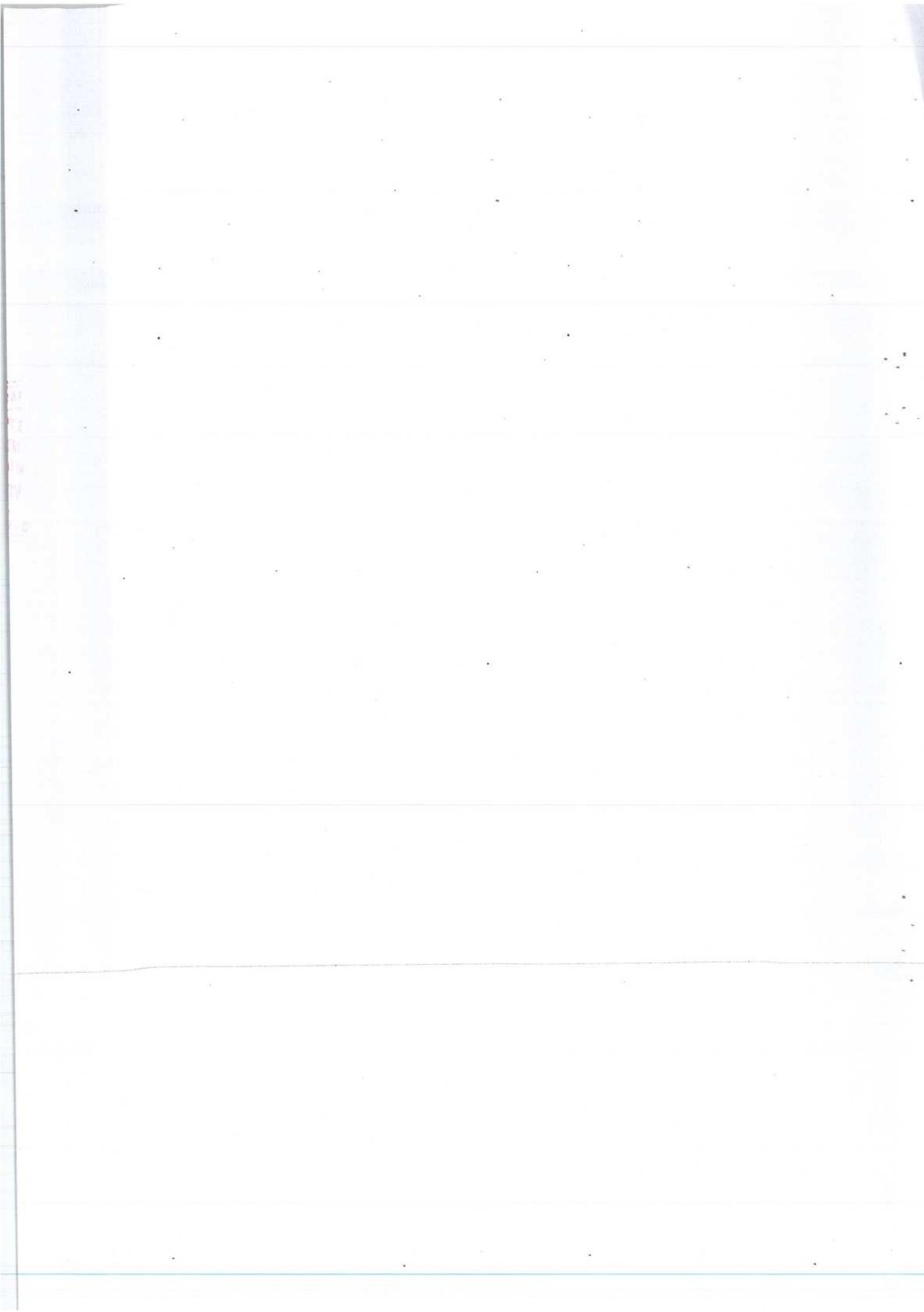
Hợp đồng được thành lập thành 02 (hai) bản gốc, mỗi bên giữ 01(một) bản gốc có nội dung và giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**ĐẠI DIỆN BÊN B**





HỢP ĐỒNG XỬ LÝ CHẤT THẢI  
Số: 000592/2024/CGQ

- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường;
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại (mã số QLCTNH 1-2-3-4-5-6.053.VX) do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp ngày 16/03/2020;
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên;  
Hôm nay, ngày 08 tháng 07 năm 2024, tại văn phòng Công ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý, đại diện hai bên gồm có:

**BÊN A: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ**

- Địa chỉ : Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước NM :
- Địa chỉ VP : 29/5 Nguyễn Văn Quá, KP 6, P. Tân Hưng Thuận, Q.12, TP.HCM
- Điện thoại : 0769 000 769 - Fax :
- Mã số thuế: 3800743345
- Tài khoản : 6282 8888 9999 Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Phú Nhuận, TP.HCM
- Đại diện : Ông **LÊ VĂN TÙNG** - Chức vụ : **PHÓ GIÁM ĐỐC**  
Sau đây gọi tắt là Bên A

**BÊN B: CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LIÊN VIỆT**

- Địa chỉ : Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam
- Điện thoại : 0987.972.167 - Fax :
- Mã số thuế: 3801066625
- Tài khoản :
- Đại diện : Ông **LÊ QUỐC VIỆT** - Chức vụ : **GIÁM ĐỐC**  
Sau đây gọi tắt là Bên B

Hai Bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường không dính thành phần nguy hại theo những điều khoản sau:

**ĐIỀU I: NỘI DUNG DỊCH VỤ**

- Bên A nhận xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường không dính thành phần nguy hại (sau đây gọi tắt là Chất thải) phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của bên B.
- Địa điểm tiếp nhận: Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

## **ĐIỀU II: ĐƠN GIÁ, DANH MỤC CHẤT THẢI VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN**

### **2.1. Đơn Giá Thu Gom , Xử Lý Chất Thải Nguy Hại**

**Đơn giá:** 8.000.000 vnd/năm (tám triệu đồng/năm). Đơn giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý.

**Bảng 2.1 Danh mục chất thải nguy hại được xử lý bao gồm:**

Số TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng trung bình/năm (kg)
01	Hóa chất thải bao gồm hoặc có thành phần nguy hại	13 02 02	
02	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	08 02 04	
03	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 03 01	
04	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại	09 01 01	
05	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	
06	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn khác	17 02 04	
07	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	18 01 02	

**❖ Ghi chú:**

- Tần suất thu gom: 1 lần/năm
- Khối lượng thu gom: 300kg/năm , nếu khối lượng vượt 300kg/năm thì đơn giá được tính đồng nhất là 10.000 vnd/kg, chưa VAT.

**2.3. Phương thức thanh toán:** Bên B sẽ thanh toán cho Bên A 100% giá trị hợp đồng bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt sau khi bên B nhận được hóa đơn của bên B. ( Trong vòng 10 ngày sau khi nhận được giấy đề nghị thanh toán của bên A)

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn bên B phải thông báo cho bên A bằng văn bản. Nếu bên B không thông báo thì bên A sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất giá trị gia tăng bên A được quyền điều chỉnh theo quy định.

## **ĐIỀU III: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN**

### **3.1. Trách nhiệm bên A**

- Cam kết thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như được nêu trong hợp đồng.
- Bên A phải cung cấp cho Bên B bản sao giấy phép kinh doanh; giấy phép vận chuyển CTNH; giấy phép xử lý CTNH và các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên B yêu cầu.
- Bên A thu gom chất thải của bên B, sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý của bên A, (hoặc chuyển giao xử lý) các loại chất thải đã tiếp nhận theo đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo

đúng các quy định về môi trường của Nhà nước. Nếu bên A không tuân thủ theo các quy định mà gây ra tác hại về môi trường, bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm liên quan.

- Bên A bố trí thời gian nhận chất thải theo yêu cầu của bên B.
- Phối hợp cùng bên B trong việc xác nhận khối lượng chất thải và ký xác nhận vào các biên bản giao nhận để làm cơ sở thanh toán.
- Chất thải sau khi chở ra khỏi cổng bên B thì bên A phải chịu mọi trách nhiệm về mặt pháp lý của pháp luật hiện hành.
- Bên A chịu trách nhiệm xác nhận và hoàn trả các liên chứng từ chất thải cho bên B, sau khi hoàn thành việc xử lý theo đúng quy định và mẫu chứng từ hiện hành của Bộ Tài nguyên & Môi trường ban hành.

### **3.2. Trách nhiệm bên B**

- Cam kết thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như được nêu trong hợp đồng.
- Bên B phải cung cấp các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên A yêu cầu và đảm bảo tính chính xác của thông tin.
- Nơi chứa chất thải phải thuận tiện cho xe ra vào lấy chất thải, chất thải phải được để riêng biệt, không được để lẫn các chất thải khác ngoài danh mục hợp đồng, không được rò rỉ ra bên ngoài, có dán tên và mã số chất thải theo quy định pháp luật hiện hành. Thiết bị lưu trữ chất thải do bên B chịu trách nhiệm. Khi thu gom bên A không hoàn trả lại thiết bị lưu trữ.
- Khi có nhu cầu thu gom, xử lý, Bên B thông báo trước cho bên A ít nhất là 48 giờ qua mail hoặc điện thoại (trừ ngày thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ).
- Bên B tạo điều kiện cho bên A trong quá trình thu gom chất thải, hỗ trợ phương tiện nâng hàng lên xe tải của bên A (nếu có).
- Không giao cho bên A các loại chất thải ngoài danh mục trong hợp đồng đã thỏa thuận.
- Phối hợp cùng bên A trong việc xác nhận khối lượng chất thải và ký xác nhận vào các biên bản giao nhận để làm cơ sở thanh toán.
- Cam kết thanh toán đầy đủ cho bên A như trong khoản 2.3 của điều 2.
- Nếu đến hạn thanh toán mà bên B chưa thanh toán phí cho bên A thì bên B phải chịu phạt do chậm thanh toán với mức phạt theo lãi suất cho vay của Ngân Hàng Nhà Nước tại thời điểm thanh toán.

## **ĐIỀU IV: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG**

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 08 tháng 07 năm 2025 và được xem là tự động thanh lý trong trường hợp hai bên đã hoàn thành toàn bộ quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều khoản của hợp đồng.
- Nếu một trong hai bên có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn thì bên có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng phải thông báo cho bên còn lại bằng văn bản và nêu rõ lý do trước 30 ngày.
- Nếu một trong hai bên muốn điều chỉnh nội dung hợp đồng này thì cần có sự đồng ý của hai bên và sẽ được thể hiện vào PLHD.

## **ĐIỀU V: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

- Trong trường hợp bất khả kháng như: chiến tranh, bão lụt, động đất, chính sách quốc gia...nằm ngoài khả năng kiểm soát của mỗi bên mà hợp đồng không thực hiện được thì các bên phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia trong vòng 05 ngày và các bên sẽ được miễn trách nhiệm thực hiện hợp đồng.
- Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu hai bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân để giải quyết. Phán xét của Toàn án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 (hai) bản làm cơ sở thực hiện hợp đồng và giải quyết tranh chấp giữa hai bên (nếu có).

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**LÊ QUỐC VIỆT**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**LÊ VĂN TÙNG**



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phước Long - Số TK: 5605201000581 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBA

Số (No): 138582

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH MTV SXTM DV Liên Việt

Mã số thuế (Tax code): 3801066625

Địa chỉ (Address): Tô 8, Tô 8, Khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Phước Long, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01020023589

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2024 từ ngày 01/05/2024 đến ngày 31/05/2024 (kèm theo bảng kê số 1395079037 ngày 02 tháng 06 năm 2024)	kWh	156.239		296.754.921
Cộng tiền hàng (Total amount):					296.754.921
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm hai mươi triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm mươi lăm đồng.					320.495.315

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TỈNH BÌNH  
PHƯỚC  
Ngày ký: 02/06/2024 23:20:59



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phước Long - Số TK: 5605201000581 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBA

Số (No): 152241

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH MTV SXTM DV Liên Việt

Mã số thuế (Tax code): 3801066625

Địa chỉ (Address): Tô 8, Tô 8, Khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Phước Long, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01020023589

Số tài khoản (Account No): 5605201000581 Tại Ngân hàng NN và

PTNT Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 6 năm 2024 từ ngày 01/03/2024 đến ngày 16/05/2024	kWh	25.070		49.716.025
	(kèm theo bảng kê số 1395633481 ngày 07 tháng 06 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					49.716.025
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi ba triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn ba trăm linh bảy đồng.					53.693.307

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TỈNH BÌNH  
PHƯỚC  
Ngày ký: 07/06/2024 16:16:45



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phước Long - Số TK: 5605201000581 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBA

Số (No): 162570

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH MTV SXTM DV Liên Việt

Mã số thuế (Tax code): 3801066625

Địa chỉ (Address): Tô 8, Tô 8, Khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Phước Long, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01020023589

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 6 năm 2024 từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024 (kèm theo bảng kê số 1405529277 ngày 02 tháng 07 năm 2024)	kWh	168.900		322.256.980
Cộng tiền hàng (Total amount):					322.256.980
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm bốn mươi tám triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TỈNH BÌNH  
PHƯỚC  
Ngày ký: 02/ 07/ 2024 16:34:56



EVN

## CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiên Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phước Long - Số TK: 5605201000581 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBA

Số (No): 189640

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH MTV SXTM DV Liền Việt

Mã số thuế (Tax code): 3801066625

Địa chỉ (Address): Tô 8, Tô 8, Khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Phước Long, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01020023589

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2024 từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/07/2024 (kèm theo bảng kê số 1416367005 ngày 02 tháng 08 năm 2024)	kWh	183.227		350.594.981
Cộng tiền hàng (Total amount):					350.594.981
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					28.047.598
Tỷ giá (Exchanged rate):					378.642.579
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TỈNH BÌNH  
PHƯỚC  
Ngày ký: 02/08/2024 18:27:10



EVN

## CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phước Long - Số TK: 5605201000581 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBA

Số (No): 228581

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH MTV SXTM DV Liên Việt

Mã số thuế (Tax code): 3801066625

Địa chỉ (Address): Tô 8, Tô 8, Khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Phước Long, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01020023589

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2024 từ ngày 01/08/2024 đến ngày 31/08/2024 (kèm theo bảng kê số 1427625825 ngày 02 tháng 09 năm 2024)	kWh	193.327	-	377.256.824
Cộng tiền hàng (Total amount):					377.256.824
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn trăm linh bảy triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TỈNH BÌNH  
PHƯỚC  
Ngày ký: 02/09/2024 21:20:17



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiên Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phước Long - Số TK: 5605201000581 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBA

Số (No): 254377

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH MTV SXTM DV Liên Việt

Mã số thuế (Tax code): 3801066625

Địa chỉ (Address): Tô 8, Tô 8, Khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Phước Long, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01020023589

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2024 từ ngày 01/09/2024 đến ngày 30/09/2024 (kèm theo bảng kê số 1436823915 ngày 02 tháng 10 năm 2024)	kWh	174.453		332.564.082
Cộng tiền hàng (Total amount):					332.564.082
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					26.605.127
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 359.169.209

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm năm mươi chín triệu một trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm linh chín đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH  
PHƯỚC  
Ngày ký: 02/10/2024 18:14:50



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiên Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phước Long - Số TK: 5605201000581 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBA

Số (No): 280183

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH MTV SXTM DV Liên Việt

Mã số thuế (Tax code): 3801066625

Địa chỉ (Address): Tô 8, Tô 8, Khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Phước Long, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01020023589

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2024 từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/10/2024 (kèm theo bảng kê số 1447591941 ngày 02 tháng 11 năm 2024)	kWh	176.135		359.289.275
Cộng tiền hàng (Total amount):					359.289.275
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					28.743.142
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 388.032.417

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm tám mươi tám triệu không trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm mươi bảy đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH  
PHƯỚC  
Ngày ký: 02/ 11/ 2024 17:54:42



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiên Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phước Long - Số TK: 5605201000581 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBA

Số (No): 292502

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH MTV SXTM DV Liên Việt

Mã số thuế (Tax code): 3801066625

Địa chỉ (Address): Tô 8, Tô 8, Khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Phước Long, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01020023589

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2024 từ ngày 01/11/2024 đến ngày 30/11/2024 (kèm theo bảng kê số 1459311946 ngày 02 tháng 12 năm 2024)	kWh	169.531		334.145.835
Cộng tiền hàng (Total amount):					334.145.835
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm sáu mươi triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm linh hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)



Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH

PHƯỚC

Ngày ký: 02/12/2024 22:15:15



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, TP.HCM  
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869  
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 179-03/23-2.7 / KQPT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 03 năm 2023

### KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DV LIÊN VIỆT

2/ Địa chỉ : Tô 8, Khu phố 9, phường Long Phước, TX.Phú Quốc, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 10/03/2023

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH
4	Vận tốc gió*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0,6÷40 m/s

### BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ỒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)
179-03/23-2.7K.Khu vực sản xuất	82	30,2	63,9	0,5
QCVN 24:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80	0,2 – 1,5
QCVN 26:2016/BYT				

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(\*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC  
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy



ThS. Thái Sanh Bảo Huy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, TP.HCM  
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869  
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 179-03/23-2.7 / KQPT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 03 năm 2023

### KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DV LIÊN VIỆT

2/ Địa chỉ : Số 8, Khu phố 9, phường Long Phước, TX.Phú Quốc, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 10/03/2023

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m <sup>3</sup>
2	CO*	SOP_K01-LM	SOP_K01-PT	0,044 mg/m <sup>3</sup>
3	SO <sub>2</sub> *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971: 1995	0,0085 mg/m <sup>3</sup>
4	NO <sub>2</sub> *	TCVN 6137: 2009	TCVN 6137:2009	0,0046 mg/m <sup>3</sup>

### KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi	CO	SO <sub>2</sub>	NO <sub>2</sub>
	(mg/m <sup>3</sup> )	(mg/m <sup>3</sup> )	(mg/m <sup>3</sup> )	(mg/m <sup>3</sup> )
179-03/23-2.7 Khu vực sản xuất	0,89	3,06	0,072	0,055
QCVN 02:2019/BYT <sup>(a)</sup>	6,25	15,625	3,90625	3,90625
QCVN 03:2019/BYT <sup>(a)</sup>				

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đặc

(\*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(a) Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC  
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM  
PHÓ GIÁM ĐỐC





TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM  
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869  
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 179-03/23-2.7 / KQPT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 03 năm 2023

### KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DV LIÊN VIỆT

2/ Địa chỉ : Số 8, Khu phố 9, phường Long Phước, TX.Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 10/03/2023

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m <sup>3</sup>
2	CO*	SOP_K01-LM	SOP_K01-PT	0,044 mg/m <sup>3</sup>
3	SO <sub>2</sub> *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971: 1995	0,0085 mg/m <sup>3</sup>
4	NO <sub>2</sub> *	TCVN 6137: 2009	TCVN 6137:2009	0,0046 mg/m <sup>3</sup>

### KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi	CO	SO <sub>2</sub>	NO <sub>2</sub>
	(mg/m <sup>3</sup> )	(mg/m <sup>3</sup> )	(mg/m <sup>3</sup> )	(mg/m <sup>3</sup> )
179-03/23-2.7K.Khu vực sản xuất	0,89	3,06	0,072	0,055
QCVN 02:2019/BYT <sup>(a)</sup>	6,25	15,625	3,90625	3,90625
QCVN 03:2019/BYT <sup>(a)</sup>				

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đặc

(\*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(a) Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC  
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

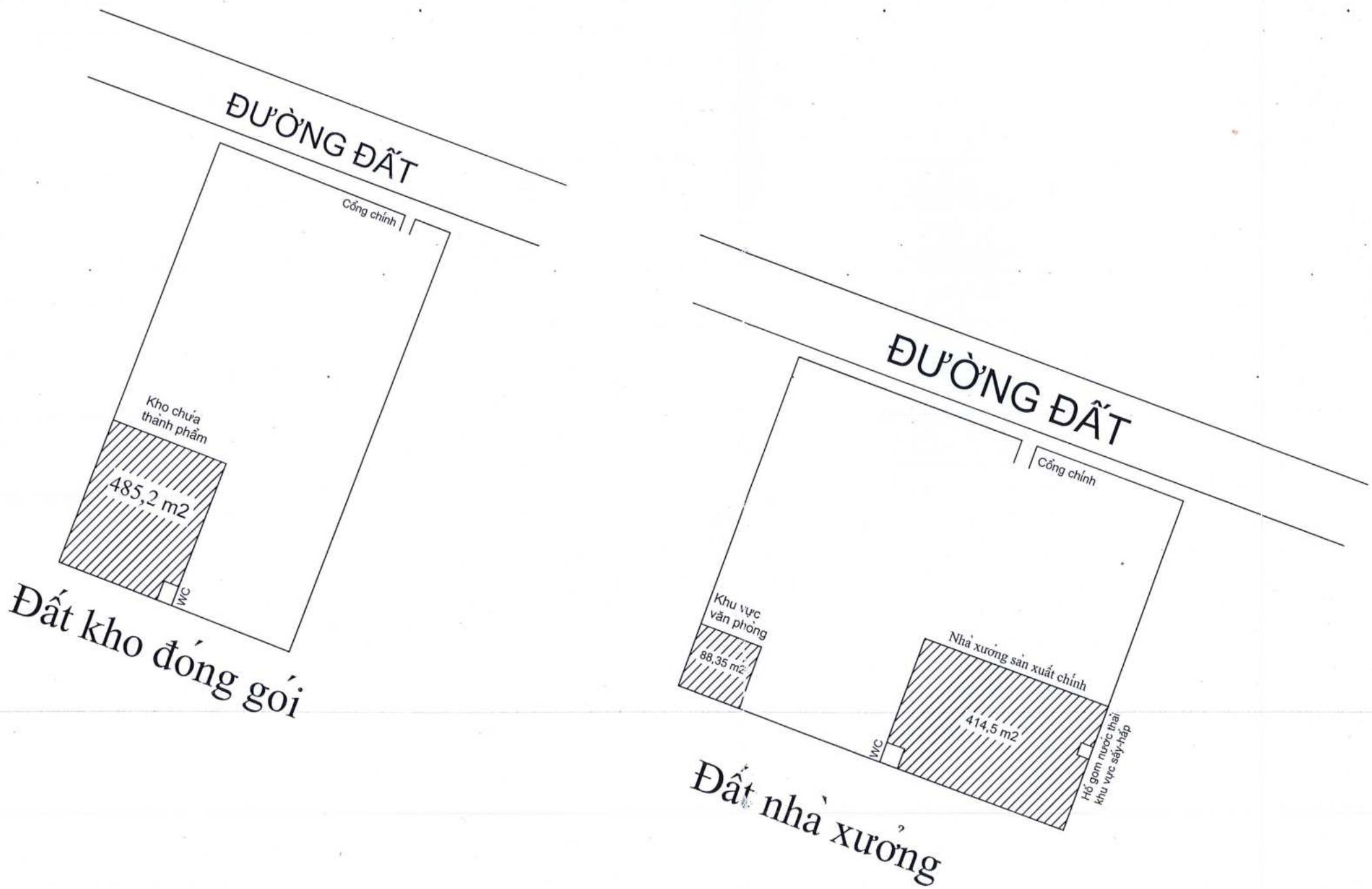
KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM  
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS.Thái Sanh Bảo Huy



# MẶT BẰNG TỔNG THỂ



MỤC DỊCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR:	
THIẾT KẾ CƠ SỞ	<input checked="" type="checkbox"/> PRELIMINARY
THIẾT KẾ THI CÔNG	<input type="checkbox"/> CONSTRUCTION
THIẾT KẾ HIỆU CHÍNH	<input type="checkbox"/> MODIFIED
HOÀN CÔNG	<input type="checkbox"/> AS-BUILT
CHỈNH SỬA / REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
LIÊN VIỆT



CÔNG TRÌNH / PROJECT:  
CƠ SỞ CHẾ BIẾN  
HẠT ĐIỀU LIÊN VIỆT

ĐC trụ sở chính: Tổ 8 - Khu phố 9 - Phường Long Phước -  
Thị xã Phước Long - Bình Phước

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

KIỂM TRA / CHECKED BY:

VẼ / DRAWN BY:

Bản vẽ hoàn công/Complete drawings

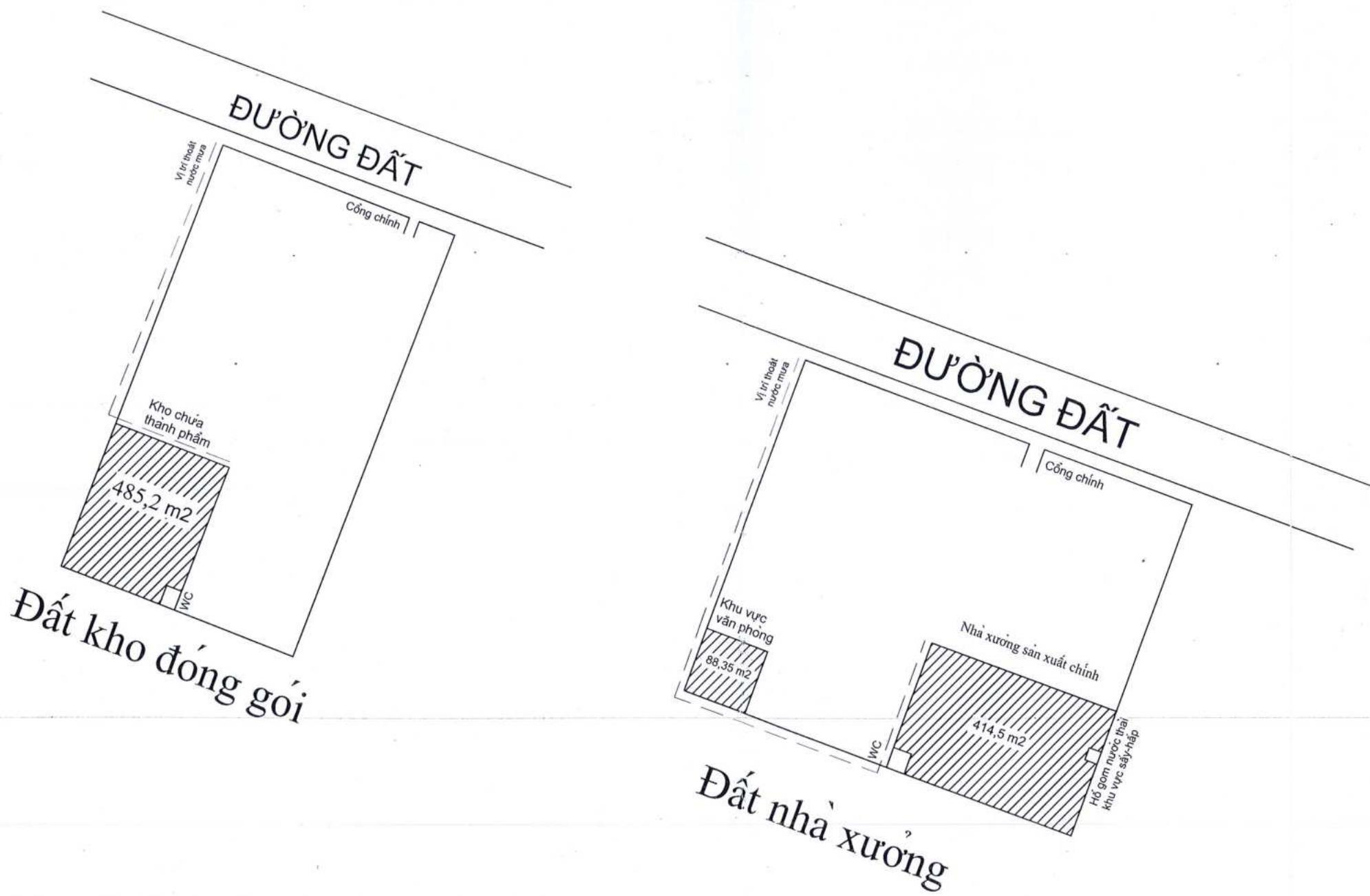
SỐ DỰ ÁN / JOB NO.: TL / SCALE: HC / REV:

NGÀY / DATE: SỐ BẢN VẼ / DWG NO.:

12.2024

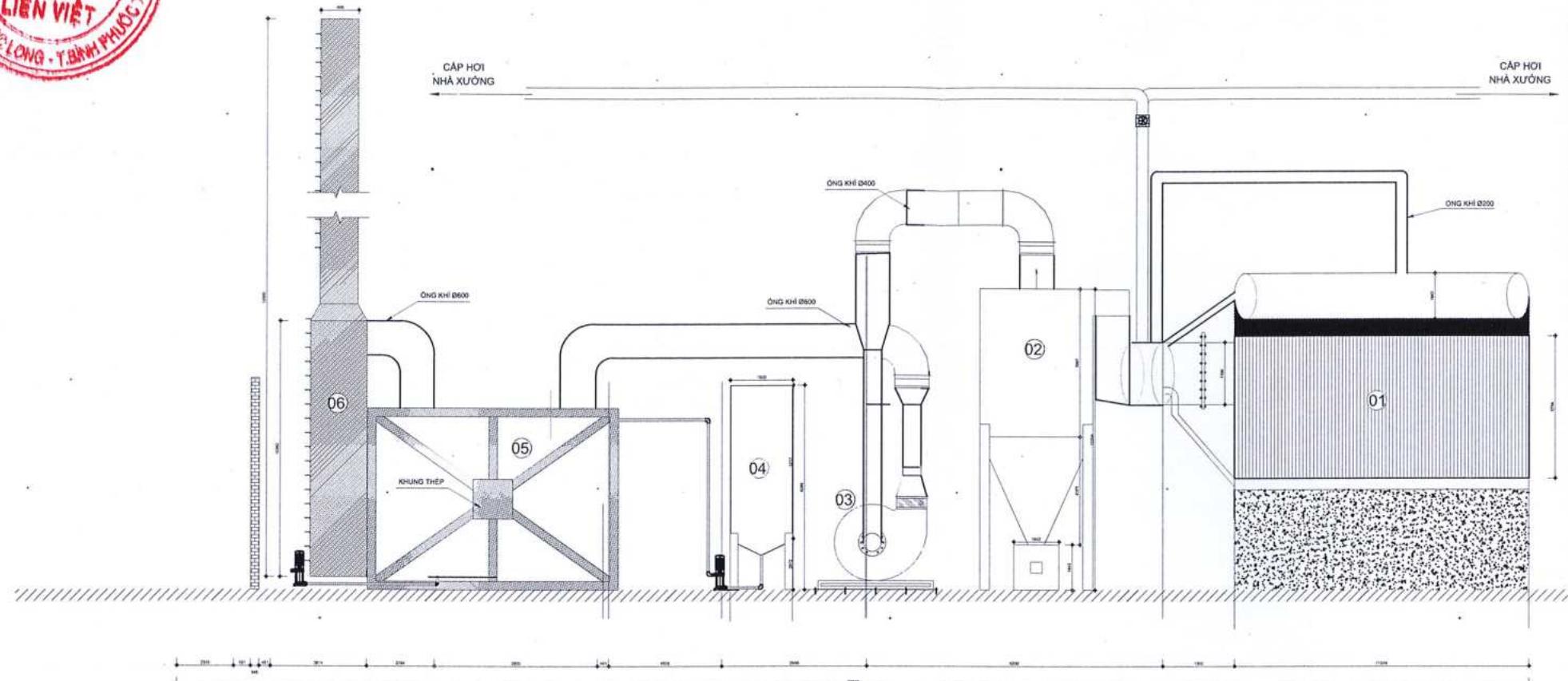


# MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA



Đường thoát nước mưa.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR:	
THIẾT KẾ CƠ SỞ	<input checked="" type="checkbox"/> PRELIMINARY
THIẾT KẾ THI CÔNG	<input type="checkbox"/> CONSTRUCTION
THIẾT KẾ HIỆU CHỈNH	<input type="checkbox"/> MODIFIED
HOÀN CÔNG	<input type="checkbox"/> AS-BUILT
CHỈNH SỬA / REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:
CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:	
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LIÊN VIỆT	
ĐC trụ sở chính: Số 8 - Khu phố 9 - Phường Long Phước - Thị xã Phước Long - Bình Phước	
GAM ĐỘC / DIRECTOR:	
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LIÊN VIỆT	
Xe Quốc Việt	
CÔNG TRÌNH / PROJECT:	
CƠ SỞ CHẾ BIẾN HẠT ĐIỀU LIÊN VIỆT	
ĐC trụ sở chính: Số 8 - Khu phố 9 - Phường Long Phước - Thị xã Phước Long - Bình Phước	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE :	
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA	
KIỂM TRA / CHECKED BY:	
VẼ / DRAWN BY:	
Bản vẽ hoàn công/Complete drawings	
SỐ DỰ ÁN / JOB NO.:	TỈ LỆ / SCALE:
NGÀY / DATE:	SỐ BẢN VẼ / DWG NO.:
12.2024	



**\*\*\*GHI CHÚ:**

**CHÚ THÍCH BẢN VẼ**

KÝ KIỆU	DIỄN GIẢI	KÝ KIỆU	DIỄN GIẢI	KÝ KIỆU	DIỄN GIẢI	KÝ KIỆU	DIỄN GIẢI
(01)	BUỒNG ĐÓT	(02)	THÁP CYCLONE SỐ 01	(03)	QUẠT HÚT	(04)	BỒN NƯỚC
(05)	THÁP HẤP THỦ	(06)	ỐNG KHÓI				

MỤC DỊCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR:  
THIẾT KẾ CƠ SỞ  PRELIMINARY  
THIẾT KẾ THI CÔNG  CONSTRUCTION  
THIẾT KẾ HIỆU CHỈNH  MODIFIED  
HOÀN CÔNG  AS-BUILT  
CHỈNH SỬA / REVISION: NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
LIÊN VIỆT

ĐC trụ sở chính: Tổ 8 - Khu phố 9 - Phường Long Phước -  
Thị xã Phước Long - Bình Phước  
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:  
CÔNG TY  
TNHH MTV  
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
LIÊN VIỆT

CÔNG TRÌNH / PROJECT:  
CƠ SỞ CHẾ BIẾN  
HẠT ĐIỀU LIÊN VIỆT

ĐC trụ sở chính: Tổ 8 - Khu phố 9 - Phường Long Phước -  
Thị xã Phước Long - Bình Phước

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE :

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ  
KHÍ THẢI LỎ HƠI

KIỂM TRA / CHECKED BY:

VẼ / DRAWN BY:

Bản vẽ hoàn công/Complete drawings

SỐ DỰ ÁN / JOB NO.: TL / SCALE: HC / REV:

NGÀY / DATE: SỐ BẢN VẼ / DWG NO.:

12.2024